

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thắm Quyên
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Đồng Thị Nga**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ TIẾP VẬN SAO
VÀNG – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thắm Quyên
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Đồng Thị Nga**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thắm Quyên

Mã SV: 1513401042

Lớp: QTL902K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua,
người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng –
Chi nhánh Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Những vấn đề cơ bản về công tác thanh toán trong doanh nghiệp thương mại.
 - Thực trạng kế toán thanh toán tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng.
 - Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng năm 2015.
 - Số liệu thực trạng công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Đồng Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác thanh toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp
- Ham học hỏi, tiếp thu ý kiến của giáo viên hướng dẫn

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận có kết cấu tương đối khoa học và hợp lý

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán

Nhìn chung tác giả đã hệ thống hóa tương đối đầy đủ và chi tiết những vấn đề lý luận cơ bản theo nội dung mà đề tài nghiên cứu.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại đầu tư và tiếp vận Sao Vàng

Thành công lớn nhất của bài viết là tác giả đã mô tả một cách khá chi tiết và đầy đủ về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại đầu tư và tiếp vận Sao Vàng với số liệu năm 2015 tương đối hợp lý và có tính logic.

Chương 3: Một số giải pháp góp phần hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại đầu tư và tiếp vận Sao Vàng
Tác giả đã có những nhận xét đánh giá tương đối khách quan và xác thực về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại đầu tư và tiếp vận Sao Vàng. Từ đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH thương mại đầu tư và tiếp vận Sao Vàng.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

Hải Phòng, ngày 25 tháng 12 năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đông Thị Nga

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.....	2
1.1 Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán.....	2
1.2 Nội dung kế toán thanh toán với người mua (khách hàng).....	2
1.2.1 Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu.....	2
1.2.2 Chứng từ và sổ sách sử dụng của các khoản phải thu.....	3
1.2.3 Nguyên tắc kế toán và kết cấu tài khoản của các khoản phải thu (TK 131).....	4
1.2.4 Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến khoản phải thu.....	6
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán (nhà cung cấp).....	11
1.3.1 Nguyên tắc kế toán của các khoản phải trả.....	11
1.3.2 Chứng từ và sổ sách sử dụng của các khoản phải trả.....	12
1.3.3 Nguyên tắc kế toán và kết cấu của tài khoản phải trả (TK 331)	12
1.3.4. Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến khoản phải trả.....	14
1.4 Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.....	20
1.4.1 Quy định chung về tỷ giá hối đoái và chênh lệch tỷ giá hối đoái	20
1.4.2 Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 413 – “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”	20
1.4.3 Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái.....	21
1.5 Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán.....	24
1.5.1 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.....	24
1.5.2 Hình thức kế toán nhật ký sổ cái.....	25
1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	26
1.5.4. Hình thức kế toán nhật ký chung	27
1.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ TIẾP VẬN SAO VÀNG – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG.....	30
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.	30
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.....	30

2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.....	32
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng.....	33
2.2 Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.....	37
2.2.1. Đặc điểm về đối tượng thanh toán, phương thức và hình thức thanh..	37
toán tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.....	37
2.2.2 Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng	38
2.2.3 Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng	57
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ TIẾP VẬN SAO VÀNG – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG	73
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng	73
3.1.1 Ưu điểm.....	74
3.1.2 Nhược điểm.....	76
3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng	78
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng	78
3.2.2 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.....	78
3.2.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng	79
KẾT LUẬN	91

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Trình tự hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với khách hàng.....	10
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ trình tự hạch toán nghiệp vụ thanh toán với người bán (Nhà cung cấp)	19
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức nhật ký chứng từ.....	25
Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – sổ cái	26
Sơ đồ 1.5 Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	27
Sơ đồ 1.6 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật Ký Chung	28
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính	29
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.....	32
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.....	34
Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật Ký Chung tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng.....	35

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 (Trích HĐMB số 41/HĐMB SV – HP)	40
Biểu số 2.2 (Trích hóa đơn GTGT số 0000521)	44
Biểu số 2.3 (Trích hóa đơn GTGT số 0000634)	46
Biểu số 2.4 (Trích HĐ GTGT số 0000521)	48
Biểu số 2.5 (Trích GBC số 00153).....	49
Biểu số 2.6 (Trích Hóa đơn do công ty Việt Dũng xuất trả lại hàng bán số 0012873).....	50
Biểu số 2.7 (Trích Biên bản trả lại hàng bán)	51
Biểu số 2.8: Hóa đơn GTGT số 0000831	53
Biểu số 2.9 (Trích giấy báo Có số 00289)	54
Biểu số 2.10 Trích sổ Nhật ký chung.....	55
Biểu số 2.11 (Trích sổ cái TK 131).....	56
Biểu số 2.12: (Hóa đơn HĐGT 0001623).....	59
Biểu số 2.13 (Trích HĐGTGT 0012642).....	61
Biểu số 2.14 (Trích HĐGTGT 0014641).....	63
Biểu số 2.15 (Giấy báo nợ 00154)	64
Biểu số 2.16: (Ủy nhiệm chi số 18).....	65
Biểu số 2.17 (Phiếu chi số 23)	67
Biểu số 2.18 (Hóa đơn GTGT số 0025671).....	69
Biểu số 2.19: (Phiếu chi số 29)	70
Biểu số 2.20 (Trích sổ Nhật ký chung Cty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng –CN Hải Phòng)	71
Biểu số 2.21 (Trích sổ cái TK 131).....	72

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Tên ký hiệu
1	BTC	Bộ tài chính
2	CKTM	Chiết khấu thương mại
3	CKTT	Chiết khấu thanh toán
4	GBC	Giấy báo có
5	GBN	Giấy báo nợ
6	GTGT	Giá trị gia tăng
7	PT	Phiếu thu
8	PTCK	Phiếu tính chiết khấu
9	TSNH	Tài sản ngắn hạn
10	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
11	TM	Thương mại
12	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
13	UNC	Ủy nhiệm chi

LỜI MỞ ĐẦU

Đứng trước bối cảnh Việt Nam đang hòa mình với nền kinh tế thế giới, đang đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức thì các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng nói riêng cần phải có những biện pháp củng cố địa vị của mình trước hết là trong nước và sau đó là mở rộng thị trường sang nước ngoài. Để có được vị thế như hiện nay thì công ty đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng đã đặc biệt quan tâm đến quan hệ thanh toán với người mua, người bán đây chính là quan hệ thanh toán chủ yếu có vị trí quan trọng công tác quản trị doanh nghiệp. Không phải doanh nghiệp nào cũng nhận thức được tầm quan trọng của quan hệ thanh toán này, có những doanh nghiệp do mãi mê theo đuổi lợi nhuận tìm mọi cách nâng cao doanh thu với những chính sách tín dụng hấp dẫn cho khách hàng nên đã rơi vào tình trạng không có khả năng thanh toán nợ mặc dù kinh doanh rất có lãi.

Doanh nghiệp muốn quản lý tốt quan hệ với người mua, người bán thì điều kiện tiên quyết là phải có hệ thống kế toán nói chung và hệ thống kế toán công nợ nói riêng hoàn chỉnh và phù hợp với đặc điểm của mình. Có như vậy thì các thông tin kế toán cung cấp về tình hình thanh toán với nhà cung cấp và khách hàng mới đảm bảo chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý tài chính doanh nghiệp.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng em nhìn thấy kế toán với người mua, người bán đóng vai trò hết sức quan trọng và được ban lãnh đạo hết sức quan tâm. Do vậy với sự giúp đỡ của nhân viên phòng kế toán cùng với giáo viên hướng dẫn Th.S Đồng Thị Nga, em đã chọn đề tài: **“ Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng”**

Bài khóa luận của em gồm 3 chương nội dung:

- *Chương 1: Lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong các doanh nghiệp.*
- *Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải phòng*
- *Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải phòng*

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1 Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

- **Thanh toán:** là sự chuyển giao tài sản của một bên (cá nhân hoặc công ty, tổ chức) cho bên kia, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một trao đổi có ràng buộc pháp lý.

- **Phương thức thanh toán:** Dạng hình thức thanh toán đơn giản và cổ xưa nhất là hàng đổi hàng, trong hiện đại hình thức thanh toán bao gồm tiền mặt, chuyển khoản, ghi nợ, tín dụng, séc... là cách nhận trả tiền hàng trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, các đơn vị, các doanh nghiệp với nhau, hai bên đồng thời thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó. Trong giao dịch thương mại thanh toán phải kèm với hóa đơn và biên nhận.

- **Hình thức thanh toán thanh toán** gồm 2 hình thức cơ bản là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- **Phương thức thanh toán bằng tiền mặt:** Là bên mua xuất tiền mặt ra khỏi quỹ để thanh toán trực tiếp cho người bán khi nhận được vật tư hàng hóa, chủ yếu áp dụng cho phát sinh với số tiền nhỏ, nghiệp vụ đơn giản và khoảng cách đại lý giữa hai bên hẹp.
- **Phương thức thanh toán không bằng tiền mặt:** Đây là phương thức thanh toán được thực hiện bằng cách tính chuyển tài khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng. Phương thức này ngày càng được sử dụng phổ biến vì tiết kiệm thời gian chi phí cũng như giảm đáng kể lượng tiền trong lưu thông.

1.2 Nội dung kế toán thanh toán với người mua (khách hàng)

1.2.1 Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

1. Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

2. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản

đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác.

- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:
 - Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia
 - Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác
 - Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

3. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141... Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán.

4. Kế toán phải xác định các khoản phải thu thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (được hướng dẫn chi tiết ở tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái) để đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

1.2.2 Chứng từ và sổ sách sử dụng của các khoản phải thu

a. Chứng từ sử dụng:

Khách hàng của công ty có thể là các doanh nghiệp, cơ quan, công ty xí nghiệp hay hộ gia đình...

Trong quá trình bán hàng và thanh toán công ty có thể sử dụng các chứng từ sau:

- Hoá đơn bán hàng thông thường (hoặc hoá đơn GTGT)
- Hợp đồng bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có (giấy chuyển khoản)

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết phải thu khách hàng
- Bảng tổng hợp phải thu khách hàng
- Sổ cái tài khoản 131
- Sổ Nhật ký chung...

1.2.3 Nguyên tắc kế toán và kết cấu tài khoản của các khoản phải thu (TK 131)

Tài khoản sử dụng: Để hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, kế toán sử dụng TK131 “**Phải thu khách hàng**”.

a. Nguyên tắc kế toán tài khoản 131 “Phải thu khách hàng”

1) Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

2) Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

3) Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán (bên có tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch). Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán, khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì bên Có tài khoản 331 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

- Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán (bên Nợ tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ (Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao dịch của chủ nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà

thầu hoặc người bán thì bên Nợ tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

4) Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường.

5) Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

6) Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

b. Kết cấu của tài khoản 131 “Phải thu khách hàng” này bao gồm:

Bên Nợ:

- Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính.
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.
- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

Bên Có:

- Số tiền khách hàng đã trả nợ.
- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng.
- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại.
- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT).
- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.

- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

Số dư bên Nợ:

Số tiền còn phải thu của khách hàng.

Tài khoản này có thể có số dư bên Có. Số dư bên Có phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

1.2.4 Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến khoản phải thu

(1). Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

- ❖ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

- ❖ Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

(2). Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:

Nợ TK 5213 - Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(3). Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

- ❖ Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết

khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá.

- ❖ Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu (5211, 5212)(giá chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).

- (4). Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

- (5). Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ thì bên Có TK 131 ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền ứng trước (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch)

- (6). Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

- ❖ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

❖ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phân công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(7). Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận

trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 611- Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(8). Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xoá sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xoá nợ, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(9). Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

(10). Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

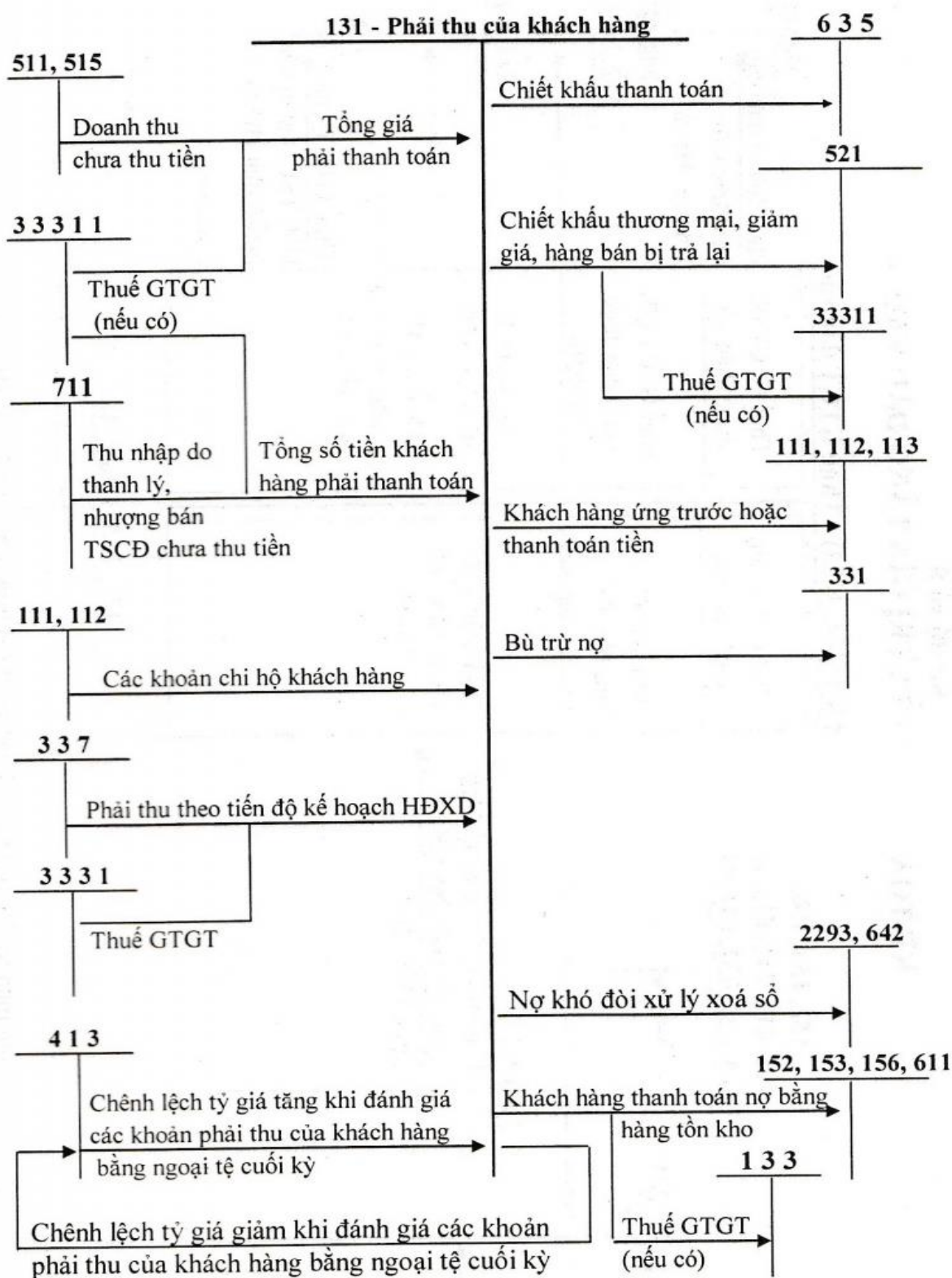
- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

Sơ đồ 1.1. Trình tự hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với khách hàng.

KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG



1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán (nhà cung cấp)

1.3.1 Nguyên tắc kế toán của các khoản phải trả

1. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

2. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:
 - Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
 - Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
 - Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

3. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán phải ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

5. Kế toán phải xác định các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (được hướng dẫn chi tiết ở Tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái) để đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

1.3.2 Chứng từ và sổ sách sử dụng của các khoản phải trả

a. Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Phiếu nhập kho
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi

b. Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết tài khoản 331
- Bảng tổng hợp tài khoản 331
- Bảng kê đối chiếu công nợ phải trả người bán
- Sổ cái tài khoản 331
- Bảng tổng hợp 331...

1.3.3 Nguyên tắc kế toán và kết cấu của tài khoản phải trả (TK 331)

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 331 –“ Phải trả cho người bán”. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

a. Nguyên tắc kế toán tài khoản 331 “Phải trả người bán”

1) Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

2) Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

3) Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán (bên có tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên

có giao dịch). Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán, khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì bên Có tài khoản 331 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

- Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán (bên Nợ tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ (Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao dịch của chủ nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì bên Nợ tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

4) Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường.

5) Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

6) Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

b. Kết cấu tài khoản 331 “Phải trả người bán”

Bên Nợ:

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp;

- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao;

- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán;
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức;
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

Số dư bên Có: Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.

Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ. Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

1.3.4. Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến khoản phải trả

(1). Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ:

❖ Trường hợp mua trong nội địa, ghi:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213 (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

❖ Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

(2). Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

❖ Trường hợp mua trong nội địa:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán)

❖ Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

(3). Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 - XDCB dở dang (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XDCB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(4). Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 341,...

- Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

- Trường hợp đã ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XDCB tương ứng với số tiền đã ứng trước theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị đầu tư XDCB còn phải thanh toán (sau khi đã trừ đi số tiền ứng trước) được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền)

Có các TK 111, 112, ... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

(5). Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, ...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

(6). Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hóa (1562)

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ các TK 623, 627, 641, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(7). Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

(8). Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 152, 153, 156, 611,...

(9). Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

(10). Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế GTGT đầu vào).

(11). Trường hợp doanh nghiệp nhận bán hàng đại lý, bán đúng giá, hưởng hoa hồng.

- Khi nhận hàng bán đại lý, doanh nghiệp chủ động theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Khi bán hàng nhận đại lý, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131, ... (tổng giá thanh toán)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (giá giao bán đại lý + thuế).

Đồng thời doanh nghiệp theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý đã xuất bán trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Khi xác định hoa hồng đại lý được hưởng, tính vào doanh thu hoa hồng về bán hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (nếu có).

- Khi thanh toán tiền cho bên giao hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (giá bán trừ (-) hoa hồng đại lý)

Có các TK 111, 112,...

(12). Kế toán phải trả cho người bán tại đơn vị giao uỷ thác nhập khẩu:

- Khi trả trước một khoản tiền uỷ thác mua hàng theo hợp đồng uỷ thác nhập khẩu cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu mở LC... căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

Có các TK 111, 112,...

- Khi nhận hàng uỷ thác nhập khẩu do bên nhận uỷ thác giao trả, kế toán thực hiện như đối với hàng nhập khẩu thông thường.

- Khi trả tiền cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu về số tiền hàng nhập khẩu và các chi phí liên quan trực tiếp đến hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

Có các TK 111, 112,...

- Phí uỷ thác nhập khẩu phải trả đơn vị nhận uỷ thác được tính vào giá trị hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 156, 211,...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331- Phải trả cho người bán(chi tiết từng đơn vị nhận uỷ thác).

- Việc thanh toán nghĩa vụ thuế đối với hàng nhập khẩu thực hiện theo quy định của TK 333 - Thuế và khoản phải nộp Nhà nước.

- Đơn vị nhận uỷ thác không sử dụng tài khoản này để phản ánh các nghiệp vụ thanh toán uỷ thác mà phản ánh qua các TK 138 và 338.

(13). Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

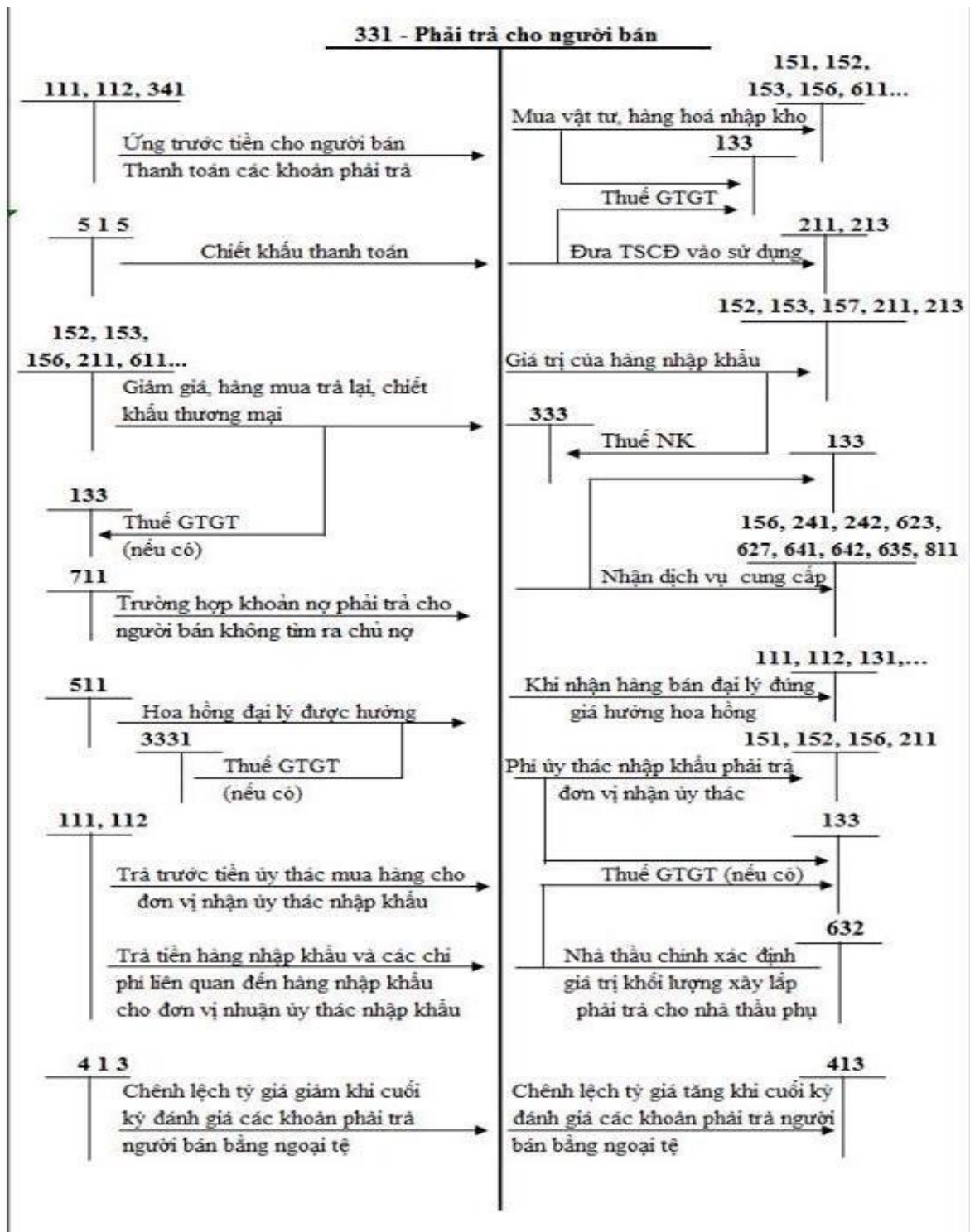
Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ trình tự hạch toán nghiệp vụ thanh toán với người bán (Nhà cung cấp)



1.4 Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ

1.4.1 Quy định chung về tỷ giá hối đoái và chênh lệch tỷ giá hối đoái

- Tỷ giá hối đoái (còn được gọi là tỷ giá trao đổi ngoại tệ) giữa hai tiền tệ là tỷ giá mà tại đó một đồng tiền này sẽ được trao đổi cho một đồng tiền khác. Nó cũng được coi là giá cả đồng tiền của một quốc gia được biểu hiện bởi một tiền tệ khác.

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp:

- Thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ (chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện);- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);

- Chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

2. Các loại tỷ giá sử dụng trong kế toán:

Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam phải căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế.
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

4.1.2 Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 413 – “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”

Bên Nợ:

- Lỗ tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.
- Lỗ tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia gắn với nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh, quốc phòng.
- Kết chuyển lãi tỷ giá vào doanh thu hoạt động tài chính.

Bên Có:

- Lãi tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia gắn với nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh, quốc phòng.
- Kết chuyển lỗ tỷ giá vào chi phí tài chính.

Tài khoản 413 có thể có số dư bên Nợ hoặc số dư bên Có.

Số dư bên Nợ:

- Lãi tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia gắn với nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh, quốc phòng.

Số dư bên Có:

- Lãi tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia gắn với nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh, quốc phòng.

1.4.3 Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái

1. Cách hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ:

(1). Khi mua vật tư, hàng hoá, TSCĐ, dịch vụ bằng ngoại tệ:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157, 211, 213, 217, 241, 623, 627, 641, 642 (tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (lãi tỷ giá hối đoái)

 Có các TK 111 (1112), 112 (1122) (theo tỷ giá ghi sổ kế toán).

 Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái)

(2). Khi mua vật tư, hàng hoá, TSCĐ, dịch vụ nhưng chưa thanh toán, khi vay hoặc nhận nợ nội bộ... bằng ngoại tệ, căn cứ tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày giao dịch, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 152, 153, 156, 211, 627, 641, 642...

 Có các TK 331, 341, 336...

(3). Khi ứng trước tiền cho người bán bằng ngoại tệ để mua vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ:

- Kế toán phản ánh số tiền ứng trước cho người bán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá thực tế tại ngày ứng trước)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (lãi tỷ giá hối đoái)

 Có các TK 111 (1112), 112 (1122) (theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

 Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái).

- Khi nhận vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ từ người bán:

+ Đối với giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ tương ứng với số tiền bằng ngoại tệ đã ứng trước cho người bán, ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157, 211, 213, 217, 241, 623, 627, 641, 642

 Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá thực tế ngày ứng trước).

+ Đối với giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ còn nợ chưa thanh toán tiền, kế toán ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (ngày giao dịch), ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157, 211, 213, 217, 241, 623, 627, 641, 642 (tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá thực tế ngày giao dịch).

(4). Khi thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ (nợ phải trả người bán, nợ vay, nợ thuê tài chính, nợ nội bộ...), ghi:

Nợ các TK 331, 336, 341,... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có các TK 111 (1112), 112 (1122) (tỷ giá ghi sổ kế toán).

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

(5). Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ, căn cứ tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày giao dịch, ghi:

Nợ các TK 111(1112), 112(1122), 131... (tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch)

Có các TK 511, 711 (tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch).

(6). Khi nhận trước tiền của người mua bằng ngoại tệ để cung cấp vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ:

- Kế toán phản ánh số tiền nhận trước của người mua theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước, ghi:

Nợ các TK 111 (1112), 112 (1122)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

- Khi chuyển giao vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ cho người mua, kế toán phản ánh theo nguyên tắc:

+ Đối với phần doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền bằng ngoại tệ đã nhận trước của người mua, kế toán ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (tỷ giá thực tế thời điểm nhận trước)

Có các TK 511, 711.

+ Đối với phần doanh thu, thu nhập chưa thu được tiền, kế toán ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có các TK 511, 711

(7). Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 111 (1112), 112 (1122) (tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138 (tỷ giá ghi sổ kế toán).

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái).

(8). Khi cho vay, đầu tư bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 121, 128, 221, 222, 228 (tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có các TK 111 (1112), 112 (1122) (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái).

2. Hạch toán chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

(1). Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo:

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ các TK 1112, 1122, 128, 228, 131, 136, 138, 331, 341,..

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có các TK 1112, 1122, 128, 228, 131, 136, 138, 331, 341,...

(2). Kế toán xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Kế toán kết chuyển toàn bộ khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại (theo số thuận sau khi bù trừ số phát sinh bên Nợ và bên Có của TK 4131) vào chi phí tài chính (nếu lỗ tỷ giá hối đoái), hoặc doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi tỷ giá hối đoái) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

- Kết chuyển lãi tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính vào doanh thu hoạt động tài chính, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi tỷ giá hối đoái).

- Kết chuyển lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính vào chi phí tài chính, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (nếu lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

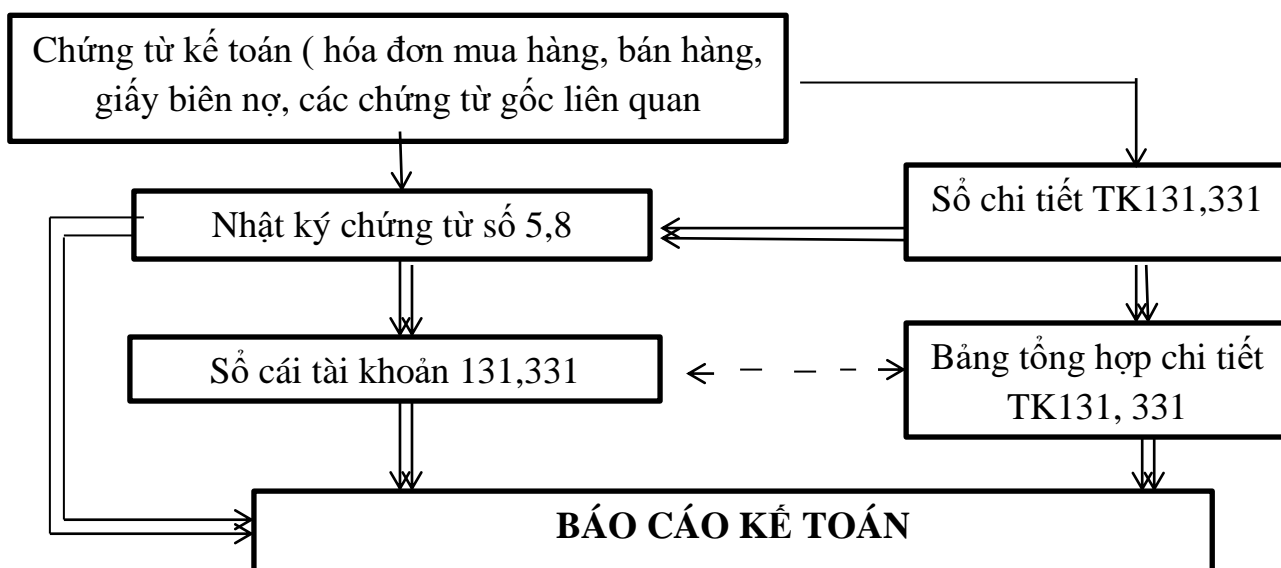
1.5 Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán.

Có 5 hình thức sổ kế toán bao gồm: Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ; Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái; Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ; Hình thức kế toán Nhật ký chung; Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.5.1 Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:
 - Nhật ký chứng từ
 - Bảng Kế
 - Sổ cái
 - Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức nhật ký chứng từ



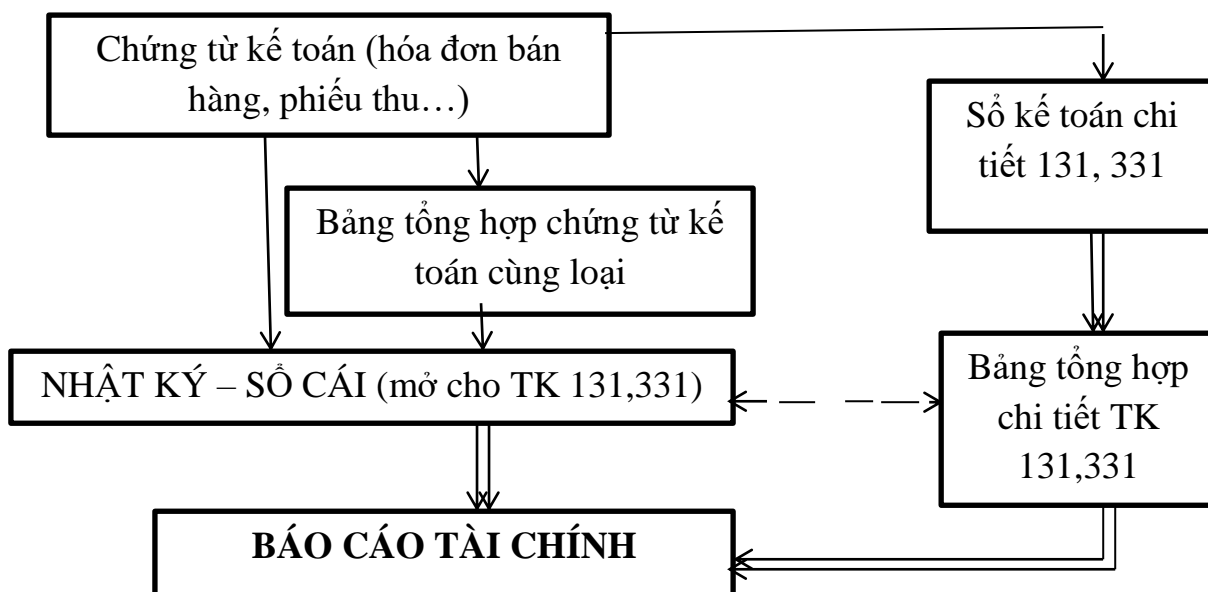
Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ
- < - - - > Quan hệ đối chiếu kiểm tra

1.5.2 Hình thức kế toán nhật ký sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:
 - Nhật ký – sổ cái
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – sổ cái**Chú thích:**

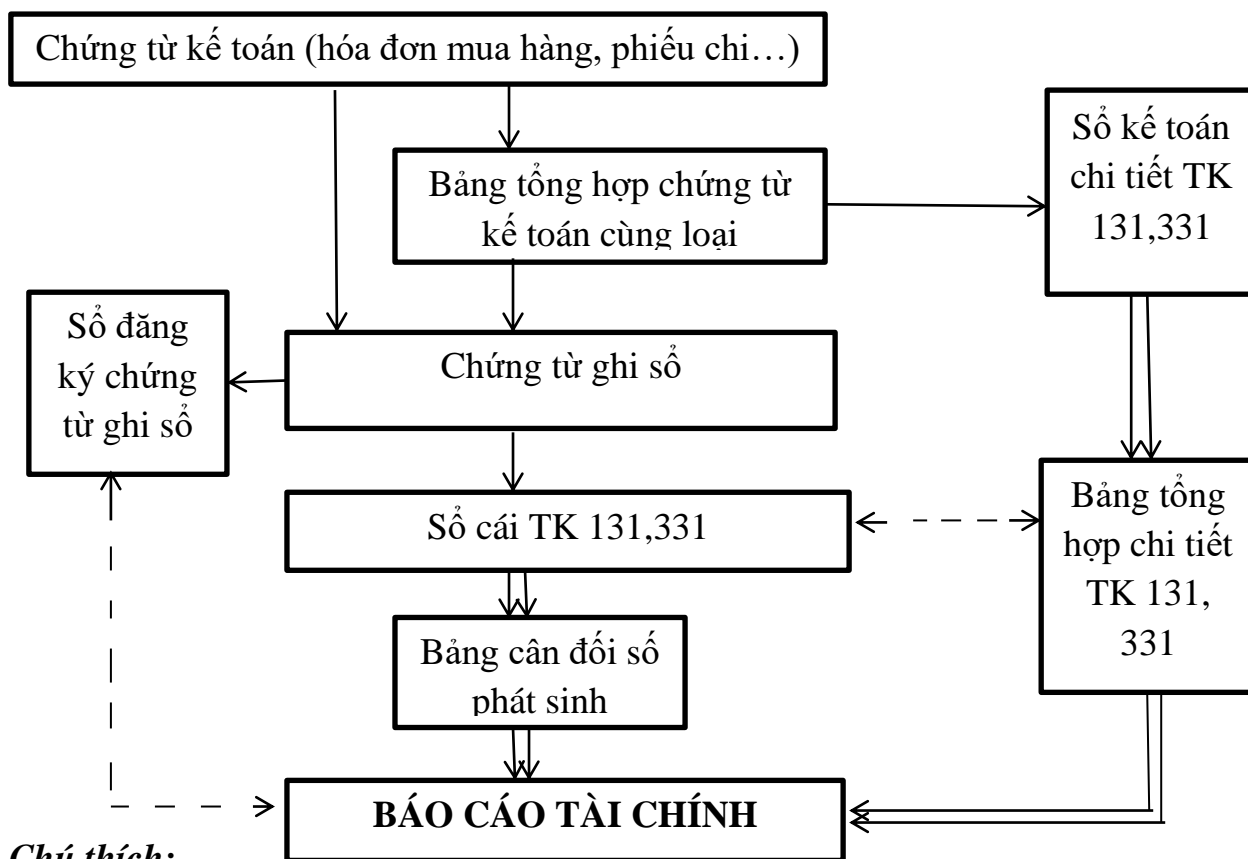
- > Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ
 <-- -- --> Quan hệ đối chiếu kiểm tra

1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.
- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:
 - Chứng từ ghi sổ
 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
 - Sổ cái
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.5 Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ



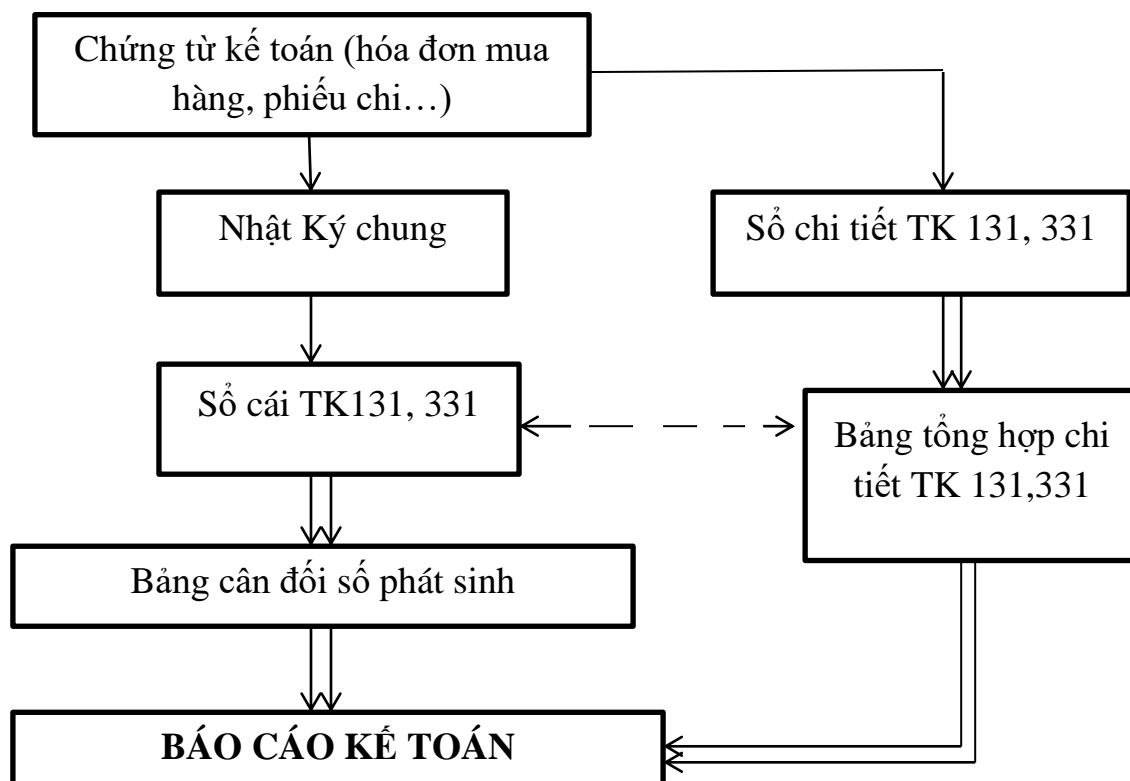
Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ
- - - -> Quan hệ đối chiếu kiểm tra

1.5.4. Hình thức kế toán nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm có các loại sổ kế toán sau:
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ nhật ký đặc biệt
 - Sổ cái
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.6 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật Ký Chung**Chú thích:**

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ
- <— — —> Quan hệ đối chiếu kiểm tra

1.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy tính:

- Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán theo quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ Sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

- Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

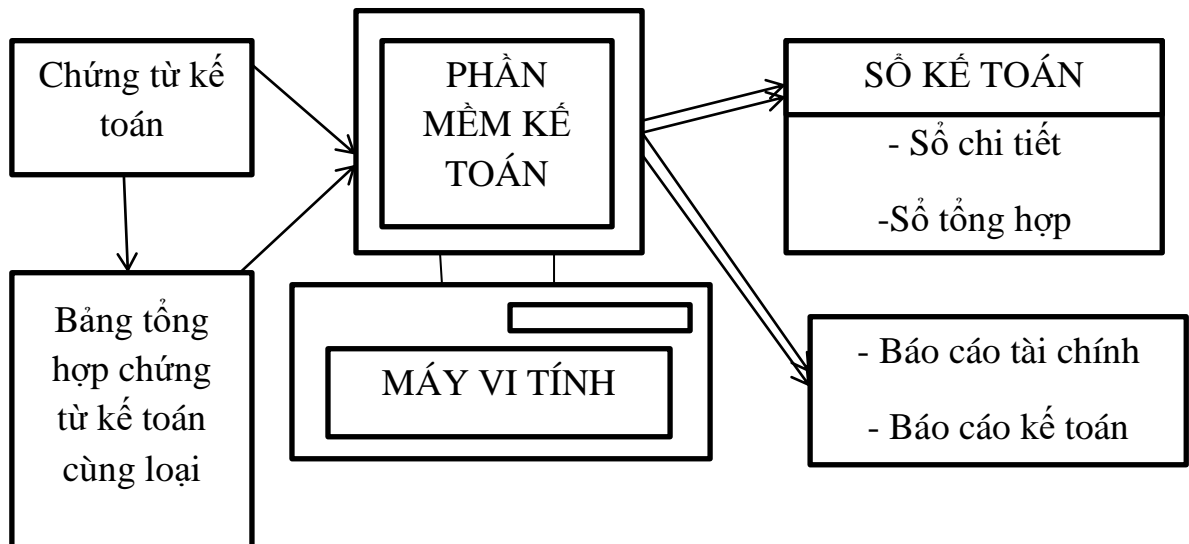
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính:

+ Hàng ngày, kế toán căn cứ vào Chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định

tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

+ Cuối tháng kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ
- <-- --> Quan hệ đối chiếu kiểm tra

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ TIẾP VẬN SAO VÀNG – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.

Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng Từ ngày thành lập đến nay được hơn 2 năm, tuy còn non trẻ nhưng công ty đã có những bước phát triển và kết hợp những bước định hướng công ty đã và đang đi trên con đường Bền vững. Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng đăng ký kinh doanh: 19/3/2014 được cấp tại Cục Thuế thành phố Hải Phòng công ty đã chính thức đi vào hoạt động với hình thức là công ty TNHH.

- Tên đầy đủ: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ TIẾP VẬN SAO VÀNG.

- Tên tiếng anh: GOLDEN STAR INVESTMENT TRADING AND LOGISTICAN CO... LTD.

- Trụ sở chính: Tòa nhà Vitranco, tầng 6, 192 Thái Thịnh – Đống Đa – Hà Nội
Tổng giám đốc: Cao Cẩm Linh
SĐT: +84-4-3513 5407 (4 line)
Số Fax: +84-4-4514 5410
Gmail: hanoi@gscvn.com.vn
- Chi nhánh Hải phòng: 24/28/411 Đà Nẵng – phường Vạn Mỹ - quận Ngô Quyền – Hải phòng
Chủ sở hữu: Lê Thị Hương Giang
SĐT: +84-3-1351 5585
Số Fax: +84-3-13515586
Gmail: haiphong@gscvn.com.vn
- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh: tầng 3, 143-145 đường Phan Xích Long, Quận 7, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
SĐT: +84-8-3517 8410

Số Fax: +84-8-3517 8411

Gmail: hochiminh@gscvn.com.vn

- Vốn điều lệ của công ty là: 5 000 000 000

- Mã số thuế: 0106302931-001

- Tài khoản: 2548880001006 – Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Phòng.

Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng luôn có những ưu đãi cho khách hàng lâu dài và tiềm năng. Tin cậy về mối quan hệ đối tác, đem lại giá trị hài hòa cho cả hai bên. Công ty không ngừng hoàn thiện những quy trình công việc, đưa ra sổ tay chất lượng trong dịch vụ giao nhận nhằm tạo ra một cơ chế vận hành trơn tru, đem lại sự thỏa mãn cho khách hàng. Đối với những giao dịch – vận tải quốc tế, công ty chu toàn mọi khía cạnh lô hàng, lường trước những phát sinh có thể xảy ra và nâng cao tỷ lệ thành công trong việc kết nối thương mại. Ngoài ra công ty có buôn bán kinh doanh nhỏ lẻ phụ tùng, linh kiện ô tô. Tuy quy mô chưa lớn nhưng đang dần có chỗ đứng vững vàng và trở thành một nhà cung ứng phụ tùng ô tô có uy tín trên địa bàn Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở đầu tiên của công ty TNHH thương mại đầu tư vận tải và tiếp vận sao vàng - chi nhánh Hải phòng được thành lập ở tầng 8, số 7B, Trần Hưng Đạo, Phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng. Đến ngày 19/4/2016 trụ sở chi nhánh được chuyển đổi sang 24/28/411 phường Vạn Mỹ, đường Đà Nẵng, Hải phòng.

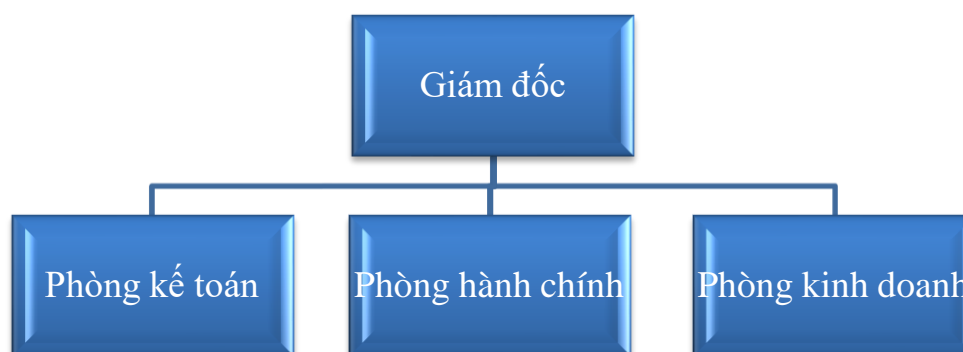
Tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng có các **Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:**

- ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, đóng gói hàng hóa; khai thác, xếp dỡ container-nơ, bốc xếp, giao nhận, vận chuyển hàng siêu trường, quá khổ, quá tải theo đa phương thức.
- ✓ Đại lý giao nhận cho các hàng giao nhận và vận tải nước ngoài.
- ✓ Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng, chủ tàu trong và ngoài nước thuê.
- ✓ Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.
- ✓ Cấp giấy phép các loại cho hàng hóa xuất, nhập khẩu.
- ✓ Tư vấn, đào tạo các nghiệp vụ giao nhận, vận chuyển và xuất nhập khẩu: GSC mở các khóa đào tạo định kỳ hoặc theo yêu cầu về các nghiệp vụ giao nhận, vận chuyển và xuất nhập khẩu cho sinh viên Đại học năm 3, năm 4 và sau Đại học.

- ✓ Kết nối và tư vấn thương mại: Tư vấn miễn phí về các nghiệp vụ xuất nhập khẩu, giao nhận, vận chuyển, thanh toán qua ngân hàng, phân tích thị trường nội địa và quốc tế.
- ✓ Dịch vụ vận tải (cho thuê xe, vận tải hành khách...)
- ✓ Kinh doanh linh kiện, phụ tùng xe đầu tải, xe đầu kéo, xe container...
 - Công ty có vị trí nằm tại trung tâm, trên đường ra các cảng lớn như Cảng Đình Vũ, Cảng Tân Vũ, Cảng Chùa Vẽ... thuận lợi cho việc đi lại.
 - Với đội ngũ và nguồn nhân lực trẻ, nhiệt tình, nhanh nhẹn đem lại sự hài lòng cho khách hàng và thúc đẩy phát triển lớn cho công ty TNHH thương mại đầu tư và tiếp vận Sao Vàng.
 - Với xu thế phát triển của nền kinh tế và những khó khăn đang đặt ra, cán bộ công nhân viên trong công ty quyết tâm một lòng hoàn thành tốt mục tiêu đã đề ra.
 - Công ty có được sự uy tín của các ngân hàng về việc thanh toán các khoản nợ đúng hạn nên Công ty có thể dễ dàng vay vốn ngắn hạn của các ngân hàng một cách dễ dàng nhằm kịp thời đáp ứng được nguồn tài chính khi cần. Đồng thời, Công ty có thể huy động nguồn tài chính dài hạn để mở rộng phát triển.
 - Chủ trương của nhà nước mở rộng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế đất nước trong thời kỳ 2000-2020 sẽ tạo cho tổng ty nhiều cơ hội mở rộng làm ăn và mở rộng kinh doanh. Đây là thị trường tiềm năng để công ty mở rộng đầu tư phát triển cả về quy mô và trình độ trong tương lai.

2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.

Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng là công ty chỉ có một lần đạo duy nhất là giám đốc công ty, các bộ phận khác chịu sự điều hành từ giám đốc. Đây là kiểu tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến – chức năng.



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng

Chức năng từng phòng ban:

- **Giám đốc:** Là người điều hành, quản lý mọi hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm toàn bộ kết quả kinh doanh, có trách nhiệm phân công công việc cho các bộ phận; đồng thời Giám đốc là người chịu trực tiếp phụ trách công tác Tài chính, kế toán và công tác nhân sự. giám đốc cũng là người đại diện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kinh doanh của công ty mình.

- **Phòng kế toán:** có nhiệm vụ tổ chức thực hiện bảo toàn vốn cho kinh doanh và công tác chi phí trong toàn công ty theo dõi thanh toán các khoản chi phí phát sinh, hạch toán kinh tế, tổng kết và báo cáo thanh toán tiền lương, lập quyết định...

- **Phòng kinh doanh:** Tham mưu cho giám đốc về chiến lược và sách lược kinh doanh của công ty, lập kế hoạch vật tư thiết bị theo dõi và hướng dẫn đội ngũ lái xe thực hiện các quy định của công ty.

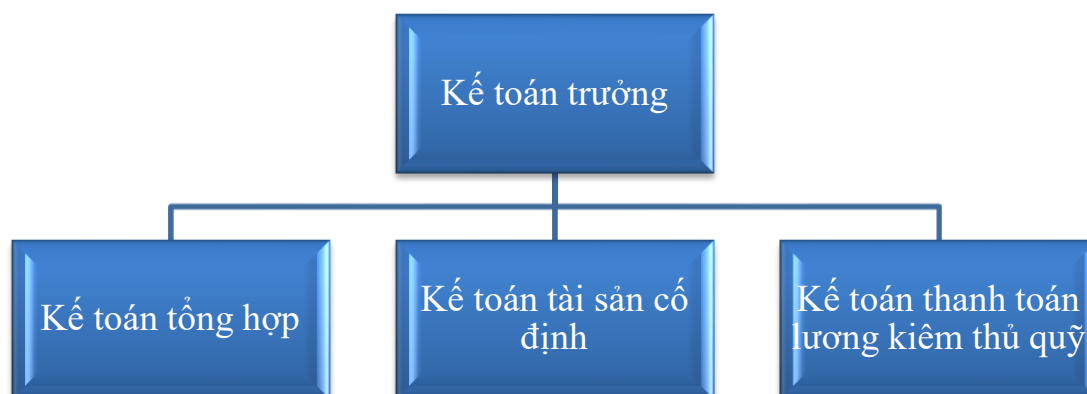
- **Phòng hành chính:** Có nhiệm vụ quản lý doanh nghiệp, lo toan công nhân về tất cả mọi mặt như họp bàn, liên hoan, nghỉ mát...Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch nâng cao trình độ tay nghề cho nhân viên. Tổ chức thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHLĐ và các chế độ liên quan khác. Lập hồ sơ kỷ luật công ty xem xét với những trường hợp vi phạm nội quy, quy chế công ty ban hành.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng.

a. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.



• **Kế Toán trưởng** : phụ trách chung, chịu trách nhiệm trước mọi hoạt động của phòng cũng như các hoạt động khác của Công ty có liên quan tới tài chính và theo dõi các hoạt động tài chính của Công ty.

- Tổ chức công tác Kế toán thống kê trong công ty phù hợp với chế độ tài chính của Nhà nước.

- Thực hiện các chính sách chế độ công tác tài chính kế toán.

- Kiểm tra tính pháp lý của các loại hợp đồng. Kế toán tổng hợp vốn kinh doanh, các quỹ của công ty, trực tiếp chỉ đạo kiểm tra giám sát phần nghiệp vụ đối với các cán bộ thống kê Kế toán các đơn vị trong công ty.

- Chịu trách nhiệm trong công tác thu tiền mặt và tồn quỹ của công ty, thực hiện kiểm kê đột xuất hoặc theo định kỳ quy định.

- Tham mưu cho giám đốc các quyết định đầu tư

• **Kế toán tổng hợp**: Có trách nhiệm thu thập tài liệu tài chính kế toán của công ty để tổng hợp các bảng cân đối phát sinh, các bảng tổng hợp chi tiết, sổ cái... từ đó làm cơ sở lập báo cáo cuối kỳ và cuối niên độ kế toán.

• **Kế toán thanh toán lương kiêm thủ quỹ**: tiến hành ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến các khoản lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn trích theo lương. Lập bảng kê hàng hóa dịch vụ chịu thuế khi mua vào và bán ra làm căn cứ tính thuế nộp nhà nước. Theo dõi doanh thu công nợ phải thu. Và Có nhiệm vụ nhập, xuất tiền mặt theo các chứng từ đã được giám đốc và kế toán trưởng duyệt. Thủ quỹ thường xuyên kiểm tra, ghi chép chi tiết trên sổ quỹ để làm căn cứ đối chiếu giữa số liệu thực tế và số liệu hoạch toán bằng tiền

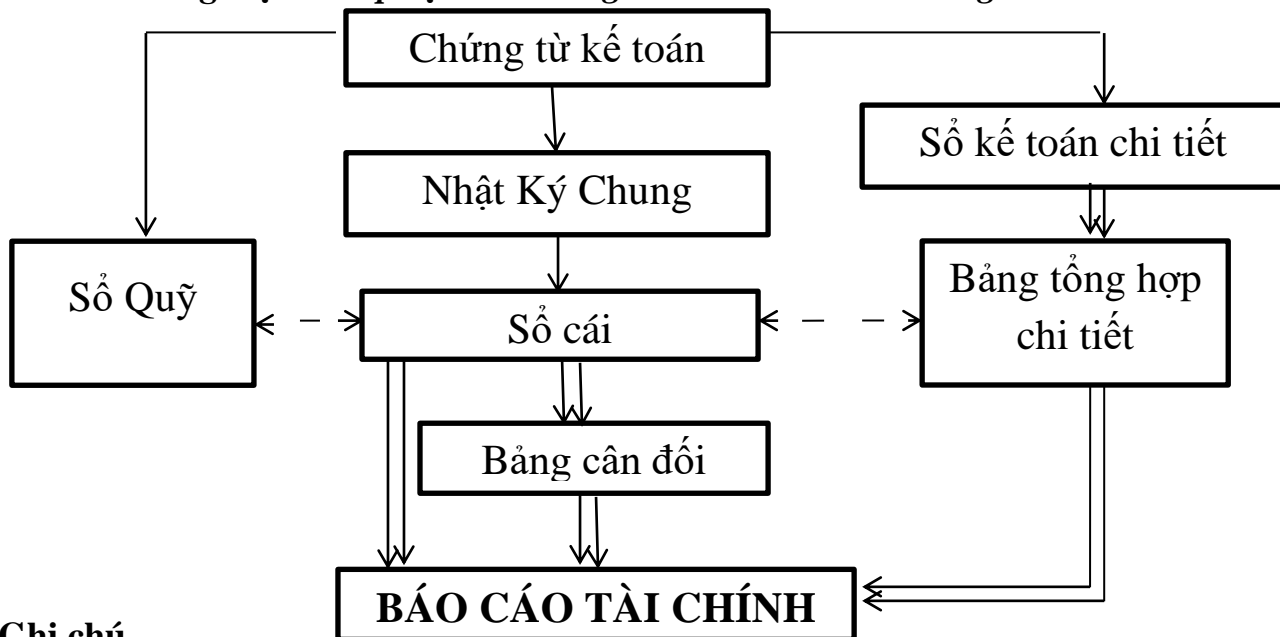
• **Kế toán Tài sản cố định:** tham gia kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định theo quy định của nhà nước, lập các báo cáo về tài sản cố định nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của Tài sản cố định

b. *Chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.*

- Công ty áp dụng hình thức kế toán: theo hình thức Nhật ký chung. Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ .
- Công ty sử dụng VND là loại tiền chính để hạch toán
- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31/12 hằng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ)

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật Ký Chung tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng.



Ghi chú

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ →
- Đối chiếu, kiểm tra ← - - →

(1) Hằng ngày căn cứ vào chứng từ kiểm tra được, dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật Ký Chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ NKC kế toán ghi vào các sổ chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính về nguyên tắc.

c. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách tại Công ty.

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT/001)
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Giấy báo có của Ngân Hàng
- Giấy báo nợ
- Ủy nhiệm chi
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 – TT)
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 331 – Phải trả người bán
- TK 131 – Phải thu khách hàng
- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các tài khoản liên quan khác

❖ **Hệ thống sổ sách kế toán**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái

2.2 Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.

2.2.1. Đặc điểm về đối tượng thanh toán, phương thức và hình thức thanh toán tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.

❖ Đặc điểm về đối tượng thanh toán

Nếu phân theo đối tượng thanh toán thì công ty có một số loại quan hệ thanh toán như sau:

- Quan hệ thanh toán nội bộ công ty.
- Quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với người mua.
- Quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với các bên đối tác kinh doanh.
- Quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với Ngân sách Nhà nước
- Các quan hệ thanh toán khác

❖ Hình thức thanh toán: là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền là sự liên kết của các yếu tố trong quá trình thanh toán.

Tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng có hình thức thanh toán bằng tiền mặt và chuyển khoản.

Đối với người mua hàng: Hình thức thanh toán bằng tiền mặt công ty áp dụng với những khách hàng mua hàng là cá nhân, hộ gia đình, khách hàng mua với số lượng ít, khách hàng là người địa phương. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản với đối tác mua hàng số lượng lớn, ở địa phương khác hay ở xa, ủy quyền thanh toán cho bên thứ ba thanh toán qua ngân hàng.

Đối với người bán hàng: hình thức thanh toán bằng tiền mặt áp dụng cho những nhà cung cấp không thường xuyên, những lô hàng có giá trị nhỏ hơn 20 triệu đồng. Tuy nhiên đơn hàng có giá trị nhỏ hơn 20 triệu đồng có thể chuyển khoản với sự thống nhất giữa công ty với nhà cung cấp trong hợp đồng.

❖ Phương thức thanh toán: là cách thức thực hiện chi trả cho hợp đồng mua bán được sự thống nhất của bên bán và bên mua.

Tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng có hai phương thức áp dụng là thanh toán ngay và thanh toán chậm trả.

- **Phương thức thanh toán ngay (trực tiếp):** đây là phương thức thanh toán do bên mua thanh toán ngay cho người bán sau khi nhận được hàng. Phương thức thanh toán trực tiếp này có thể thanh toán bằng tiền mặt, hay chuyển khoản.

- **Phương thức thanh toán chậm trả:** đây là phương thức thanh toán khi mà

doanh nghiệp đã giao hàng cho người mua nhưng chưa được thanh toán. Thời gian địa điểm thanh toán được quy định trong hợp đồng, việc thanh toán chậm trả có thể sẽ được thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi như thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với người mua hàng: Tại công ty phương thức áp dụng những khách hàng là cá nhân, hộ gia đình mua với số lượng ít, những khách hàng không thường xuyên. Với phương thức chậm trả công ty áp dụng với khách hàng lâu năm, thường xuyên mua với số lượng lớn và theo phương thức hàng gói hàng.

Đối với người bán: Công ty thanh toán ngay cho nhà cung cấp nhỏ, lẻ số lượng ít. Còn với những khách hàng lâu năm, nhà cung cấp theo phương thức hàng gói hàng công ty áp dụng hình thức trả ngay hoặc chậm trả tùy thỏa thuận ha bên. Kế toán cần theo dõi những khoản nợ nào đến hạn mà chưa thanh toán như hợp đồng quy định thì xử lý ngay tránh ảnh hưởng đến uy tín công ty.

2.2.2 Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng

❖ Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng:

a. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Phiếu thu
- Giấy đề nghị thanh toán
- Giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng

TK 131 – Phải thu khách hàng. Tài khoản này được công ty mở ra để theo dõi các khoản nợ phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu khách hàng. Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước
- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 131 và các tài khoản liên quan khác

Tháng 12 năm 2015 Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng có rất nhiều các nghiệp vụ thanh toán với người mua sau đây em xin trích dẫn một số nghiệp vụ chủ yếu:

Ví dụ 1: Ngày 01/12/2015, Công ty thanh lý một đầu kéo Hyundai HD70061 tân cho công ty TNHH thương mại vận tải Hoàng Huy, giá bán là 520.555.200 đồng (thuế GTGT 10%), chưa thu tiền theo hóa đơn số 0000521.

Căn cứ vào hóa đơn số 0000521 (biểu số 2.2), hợp đồng mua bán xe (Biểu số 2.1) và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131: 520.555.200

Có TK 511: 473.232.000

Có TK 3331: 47.323.200

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật Ký chung (Biểu số 2.10) đồng thời ghi vào cái TK 131 (Biểu số 2.11), sổ cái TK 511, TK 3331.

Biểu số 2.1 (Trích HĐMB số 41/HĐMB SV – HP)

Công ty: TNHH đầu tư TM và tiếp vận

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---***---

HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE*Số 41/HĐMB SV - HP*

Tại Phòng Công chứng số 12 thành phố Hải Phòng (Trường hợp việc công chứng được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng và Phòng Công chứng), chúng tôi gồm có:

Bên bán (sau đây gọi là Bên A):

- Tên tổ chức: Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng
- Trụ sở: Tầng 8, số 7B Trần Hưng Đạo, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Quyết định thành lập số 090008528 ngày 19 tháng 03 năm 2014 do Cục Thuế thành phố Hải Phòng cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 090008528 ngày 19 tháng 03 năm 2014 do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp.
- Số Fax: +84-3-13515586 Số điện thoại: +84-3-1351 5585
- Họ và tên người đại diện: Lê Thị Hương Giang
- Chức vụ: Giám đốc
- Sinh ngày: 2/10/1973
- Chứng minh nhân dân số: 0310794656 cấp ngày 06/08/2009 tại Công an Thành phố Hải Phòng
- Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số: ngày.....do lập.

Bên mua (sau đây gọi là Bên B):

- Tên tổ chức: Công ty TNHH vận thương mại tài Hoàng Huy
- Trụ sở: 265 Đường vòng Vạn Mỹ, Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Quyết định thành lập số 00417552962 ngày 08 tháng 01 năm 2004 do Cục Thuế thành phố Hải Phòng cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900005210 ngày 17 tháng 05 năm 2005 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

- Số Fax: +84-3-13715424 Số điện thoại: +84-3-13715424
- Họ và tên người đại diện: Trần Hoàng Huy
- Chức vụ: Giám đốc
- Sinh ngày: 2/12/1970
- Chứng minh nhân dân số: 0310715920 cấp ngày 14/12/2006 tại Công an Thành phố Hải Phòng
- Theo giấy ủy quyền (trường hợp đại diện theo ủy quyền) số: ngày..... do lập.

ĐIỀU 1. Xe mua bán

1. Đặc điểm xe: xe đầu kéo Hyundai HD700

Biển số: 15B1-812004

Nhãn hiệu: Hyundai

Dung tích xi lanh: 61 tấn

Loại xe: xe đầu kép

Màu sơn: trắng

Số máy: 581257

Số khung: 008142563700

Các đặc điểm khác: (nếu có)

2. Giấy đăng ký xe số:.....do cấp ngày

(Nếu tài sản mua bán có số lượng nhiều thì lần lượt liệt kê đặc điểm và Giấy đăng ký của từng xe như nêu trên)

ĐIỀU 2. Giá mua bán và phương thức thanh toán

1. Giá mua bán xe nêu tại Điều 1 là: 520.555.200 đồng

(bằng chữ *năm trăm hai mươi triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng chẵn*)

2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

3. Việc thanh toán số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 3. Thời hạn, địa điểm và phương thức giao xe

Thời hạn: giao đúng tiến độ theo yêu cầu của bên mua

Địa điểm: 265 Đường vòng Vạn Mỹ, Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng (công ty TNHH thương mại vận tải Hoàng Huy)

Phương thức giao nhận: bên bán đảm nhận

ĐIỀU 4. Quyền sở hữu đối với xe mua bán

1. Bên A có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với xe tại cơ quan có thẩm quyền (ghi rõ các thỏa thuận liên quan đến việc đăng ký);
2. Quyền sở hữu đối với xe nêu trên được chuyển cho Bên B, kể từ thời điểm thực hiện xong các thủ tục đăng ký quyền sở hữu xe;

ĐIỀU 5. Việc nộp thuế và lệ phí công chứng

Thuế và lệ phí liên quan đến việc mua bán chiếc xe theo Hợp đồng này do Bên B chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 6. Phương thức giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. Cam đoan của các bên

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:
 - a) Những thông tin về nhân thân, về xe mua bán ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - b) Xe mua bán không có tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật;
 - c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
 - d) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
 - đ) Các cam đoan khác...
2. Bên B cam đoan:
 - a) Những thông tin về nhân thân ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về xe mua bán và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu;
 - c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
 - d) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
 - đ) Các cam đoan khác...

ĐIỀU 8. Điều khoản cuối cùng

1. Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này;
2. Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

Hoặc có thể chọn một trong các trường hợp sau đây:

Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

Hai bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

Hai bên đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

Hai bên đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

Hai bên đã nghe Công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

- Hai bên đã nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

3. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày: 01/12/2015

BÊN A

(ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

BÊN B

(ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2 (Trích hóa đơn GTGT số 0000521)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIATĂNG		Mẫu số :01GTKT3/001			
Liên 3:Nội bộ		Ký hiệu : AA/12P			
Ngày 01 tháng 12 năm 2015		Số : 0000521			
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH đầu tư TM và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng					
Địa chỉ: Tầng 8, số 7B, Trần Hưng Đạo, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Mã số thuế:0106302931-001.....					
Điện thoại: 0313714912		Số tài khoản: 2548880001006			
Mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH thương mại vận tải Hoàng Huy					
Địa chỉ: 265 Đường vòng Vạn Mỹ, Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Mã số thuế: 02335000123-055.....					
Hình thức thanh toán: CK/TM.....		Số tài khoản: 004211660002			
Mở tại ngân hàng TMCP Quân đội ACB – CN Hải phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Đầu xe kéo Hyundai HD700	Chiếc	01	473.232.000	473.232.000
Cộng tiền hàng					473.232.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			47.323.200
Tổng cộng tiền thanh toán					520.555.200
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm hai mươi triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Ví dụ 2: Ngày 10/12/2015, theo hóa đơn số 0000634 công ty xuất bán 10 tubor tăng áp có giá là 8.680.320 đồng cho công ty Việt Dũng, thuế GTGT 10%, chưa thu tiền.

Căn cứ vào hóa đơn số 0000634 (biểu số 2.3) và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ sách kế toán định khoản sau:

Nợ TK 131: 8.680.320

Có TK 511: 7.891.200

Có TK 3331: 789.120

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.10) đồng thời căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK 131 (biểu số 2.11), TK 511, TK 3331.

Biểu số 2.3 (Trích hóa đơn GTGT số 0000634)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mã số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/12P		
Ngày 10 tháng 12 năm 2015			Số: 0000634		
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH đầu tư TM và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng					
Địa chỉ: Tầng 8, số 7B, Trần Hưng Đạo, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Mã số thuế: 0106302931001.....					
Điện thoại: 0313714912			Số tài khoản: 2548880001006		
Mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH thương mại Việt Dũng					
Địa chỉ: 74 Đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng.....					
Mã số thuế: 02335821900-033.....					
Hình thức thanh toán: CK/TM.....			Số tài khoản: 002391110002		
Mở tại ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Hải phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=2x1
1	Tubor tăng áp	cái	10	789.120	7.891.200
Cộng tiền hàng					7.891.200
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			798.120
Tổng cộng tiền thanh toán					8.680.320
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn ba trăm hai mươi đồng chẵn</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Ví dụ 3: Ngày 13/12/2015 công ty TNHH thương mại vận tải Hoàng Huy thanh toán trước 500.000.000 đồng tiền mua xe cho công ty bằng chuyển khoản theo HĐ GTGT 0000521 mua từ ngày 01/12/2015.

Căn cứ vào giấy báo có 00153 (biểu số 2.5). Kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 500.000.000

Có TK 131: 500.000.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.10) đồng thời ghi sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào Nhật Ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (Biểu số 2.11), TK 112.

Biểu số 2.4 (Trích HĐ GTGT số 0000521)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIATĂNG		Mẫu số :01GTKT3/001			
Liên 3:Nội bộ		Ký hiệu : AA/12P			
Ngày 01 tháng 12 năm 2015		Số : 0000521			
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH đầu tư TM và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng					
Địa chỉ: Tầng 8, số 7B, Trần Hưng Đạo, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Mã số thuế:0106302931-001.....					
Điện thoại: 0313714912			Số tài khoản: 2548880001006		
Mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH thương mại vận tải Hoàng Huy					
Địa chỉ: 265 Đường vòng Vạn Mỹ, Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Mã số thuế: 02335000123-055.....					
Hình thức thanh toán: CK/TM.....Số tài khoản: 004211660002					
Mở tại ngân hàng TMCP Quân đội ACB – CN Hải phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Đầu xe kéo Hyundai HD700	Chiếc	01	473.232.000	473.232.000
Cộng tiền hàng					473.232.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			47.323.200
Tổng cộng tiền thanh toán					520.555.200
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm hai mươi triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.5 (Trích GBC số 00153)

**Ngân hàng TMCP Ngoại thương
Vietcombank – CN HP**

**Ngày in/Printed date: 13/12/2015
Giao dịch viên/Teller: TRANGTT
Số giao dịch/Trans no: 00153**

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 13/12/2015

Kính gửi: Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 2548880001006

Số tiền bằng số : 500.000.000

Số tiền viết bằng chữ: *Năm trăm triệu đồng chẵn*

Nội dung: Công ty TNHH thương mại vận tải Hoàng Huy thanh toán tiền mua xe.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Ví dụ 4: Ngày 14/12/2015 công ty Việt Dũng trả lại toàn bộ 10 tubor tăng áp đã mua ngày 10/12/2105 do sai quy cách, không đúng chất lượng.

Căn cứ vào hóa đơn xuất trả lại hàng của công ty thương mại Việt Dũng số 0012873 (biểu số 2.6). Kế toán ghi vào sổ sách theo tài khoản sau:

Nợ TK 531: 7.891.200

Nợ TK 3331: 789.120

Có TK 131: 8.680.320

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.10) đồng thời căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK 131 (biểu số 2.11), TK 531, TK 3331.

Biểu số 2.6 (Trích Hóa đơn do công ty Việt Dũng xuất trả lại hàng bán số 0012873)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mã số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Ký hiệu : AA/15P			
<i>Ngày 14 tháng 12 năm 2015</i>		Số : 0012873			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại Việt Dũng					
Địa chỉ: 74 Đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng.....					
Mã số thuế: 02335821900-033.....					
Hình thức thanh toán: CK/TM.....Số tài khoản: 002391110002					
Mở tại ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Hải phòng					
Họ tên người mua hàng: Công Ty TNHH đầu tư TM và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng					
Địa chỉ: Tầng 8, số 7B, Trần Hưng Đạo, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Mã số thuế: 0106302931001.....					
Điện thoại: 0313714912		Số tài khoản: 2548880001006			
Mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – CN Hải Phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=2x1
1	Tubor tăng áp	cái	10	789.120	7.891.200
	(Xuất trả lại do không đúng chất lượng)				
Cộng tiền hàng					7.891.200
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		789.120	
Tổng cộng tiền thanh toán					8.680.320
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn ba trăm hai mươi đồng chẵn</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.7 (Trích Biên bản trả lại hàng bán)

Công ty: TNHH đầu tư TM và tiếp vận
Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---***---

BIÊN BẢN TRẢ LẠI HÀNG BÁN

Hôm nay ngày 14 tháng 12 năm 2015. Tại văn phòng công ty Chúng tôi gồm hai bên:

Bên A: Lê Thị Hương Giang

Người đại diện: Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng
Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0106302931-001

Địa chỉ: tầng 8 số 7B, Trần Hưng Đạo, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng
Bên B: Trần Thế Dũng

Người đại diện: Công ty TNHH thương mại Việt Dũng Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 02335821900-033

Địa chỉ: 74 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Ngày 10 tháng 12 năm 2015. Công ty TNHH thương mại Việt Dũng (bên B) có mua 1 lô hàng theo hóa đơn số 0000634 ký ngày 10 tháng 12 năm 2015 và Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng (Bên A) có xuất hóa đơn số 0000634 - kí hiệu: AA/12P, nhưng do khi nhận hàng Bên B kiểm nhận và phát hiện một số hàng không đạt yêu cầu kỹ thuật và đề nghị xuất trả lại số hàng đó, cụ thể số lượng được kê chi tiết như sau:

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tubor tăng áp	cái	10	789.120	7.891.200
	Cộng		10		7.891.200

Số tiền trước VAT là: 7.891.200

Tổng thanh toán là: 8.680.320

Bằng chữ: Tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn ba trăm hai mươi đồng chẵn

Biên bản này để xác nhận rằng Bên B nhất trí trả lại hàng và Bên A nhất trí nhận lại số hàng trên.

Bên Công ty (B) TNHH thương mại Việt Dũng có trách nhiệm xuất trả lại hóa đơn cho Công ty (A) TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng hóa đơn số 0012873.- kí hiệu: AA/15P số hàng đã nêu trên. Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau và biên bản này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 12 năm 2015

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**

Ví dụ 5: Ngày 25/12/2015 thu toàn bộ tiền nợ 30.310.720 đồng của công ty TNHH vận tải Hoàng Huy bằng chuyển khoản theo HĐ GTGT 0000831

Căn cứ vào giấy báo Có số 000289 (biểu số 2.8) các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ sách kế toán định khoản sau:

Nợ 112: 30.310.720

Có 131: 30.310.720

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.10) đồng thời ghi vào sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào Nhật Ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (Biểu số 2.11), TK 112.

Biểu số 2.8: Hóa đơn GTGT số 0000831

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIATẶNG		Mẫu số :01GTKT3/001			
Liên 3:Nội bộ		Ký hiệu : AA/12P			
Ngày 19 tháng 12 năm 2015		Số : 0000831			
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH đầu tư TM và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng					
Địa chỉ: Tầng 8, số 7B, Trần Hưng Đạo, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Mã số thuế:0106302931-001.....					
Điện thoại: 0313714912		Số tài khoản: 2548880001006			
Mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH thương mại vận tải Hoàng Huy					
Địa chỉ: 265 Đường vòng Vạn Mỹ, Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Mã số thuế: 02335000123-055.....					
Hình thức thanh toán: CK/TM.....		Số tài khoản: 004211660002			
Mở tại ngân hàng TMCP Quân đội ACB – CN Hải phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cần gạt hơi	Chiếc	20	1.377.760	27.555.200
Cộng tiền hàng					27.555.200
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		2.755.520	
Tổng cộng tiền thanh toán					30.310.720
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba mươi triệu ba trăm mười nghìn bảy trăm hai mươi đồng chẵn</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.9 (Trích giấy báo Có số 00289)

**Ngân hàng TMCP Ngoại thương
Vietcombank – CN HP**

Ngày in/Printed date: 25/12/2015

Giao dịch viên/Teller: LINHTT

Số giao dịch/Trans no: 00289

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25/12/2015

Kính gửi: Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 2548880001006

Số tiền bằng số : 30.310.720

Số tiền viết bằng chữ: *Ba mươi triệu ba trăm mười nghìn bảy trăm hai mươi đồng chẵn*

Nội dung: Công ty TNHH thương mại vận tải Hoàng Huy thanh toán

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.10 Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH đầu tư

Mẫu số: S03A - DN

TM và tiếp vận Sao Vàng- CN Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ U	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
01/12	HĐ000 0521	01/12	Bán chịu xe đầu kéo cho cty TNHH Hoàng Huy	131 511 3331	520.555.200	473.232.000 47.323.200
...
10/12	HĐ000 0634	10/12	Bán chịu tubor tăng áp cho công ty TNHH thương mại Việt Dũng	131 511 3331	8.680.320	7.891.200 789.120
11/12	HĐ000 0635	11/12	Vận chuyển Pallet cho công ty Hoàng Thuận	131 511 3331	17.327.200	15.752.000 1.575.200
...
13/12	HĐ000 0671	13/12	Vận chuyển gỗ T1 cho cty nội thất 159 Hải Phòng	131 511 3331	16.446.551	14.951.410 1.495.141
13/12	GBC00 153	13/12	Công ty Hoàng Huy thanh toán bằng chuyên khoản	112 131	500.000.000	500.000.000
14/12	HĐ001 2872	14/12	Cty CP Việt Dũng trả lại hàng do sai quy cách	531 3331 131	7.891.200 789.120	8.680.320
...
24/12	PT 52	24/12	Cty CP bao bì HP thanh toán tiền vận chuyển làm thủ tục hải quan bằng tiền mặt	112 131	8.045.697	8.045.697
25/12	GBC00 289	25/12	Cty TNHH vận tải Hoàng Huy thanh toán tiền bằng chuyên khoản	112 131	30.310.720	30.310.720
...
			Tổng cộng		8.383.714.129	8.383.714.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Biểu số 2.11 (Trích sổ cái TK 131)**Đơn vị:** Công ty TNHH đầu tư TM**Mẫu số** SO3b-DNN

Và tiếp vận Sao Vàng-CN HP

(ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Tầng 8, số 7B Trần Hưng Đạo, HP

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Tháng 12 năm 2015****Tên tài khoản: 131 – Phải Thu Khách Hàng**

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12		230.023.840	
			Số phát sinh trong tháng			
01/12	HĐ000521	1/12	Bán chịu xe đầu kéo cho cty TNHH Hoàng Huy	511 3331	473.232.000 47.323.200	
...
10/12	HĐ0000634	10/12	Bán chịu tubor tăng áp cho ty TNHH thương mại Việt Dũng	511 3331	7.891.200 789.120	
11/12	HĐ0000635	11/12	Vận chuyển Pallet cho công ty Hoàng Thuận	511 3331	15.752.000 1.575.200	
...
13/12	HĐ000671	13/12	Vận chuyển gỗ T1 cho cty nội thất 159 Hải Phòng	511 3331	14.951.410 1.495.141	
13/12	GBC00153	13/12	Cty Hoàng Huy thanh toán bằng chuyển khoản	112		500.000.000
14/12	HĐ0012872	14/12	Cty CP Việt Dũng trả lại hàng do sai quy cách	531 3331		7.891.200 789.120
...
24/12	PT 52	24/12	Cty CP bao bì HP thanh toán tiền vận chuyển làm thủ tục hải quan bằng tiền mặt	112		8.045.697
25/12	GBC00289	25/12	Cty TNHH vận tải Hoàng Huy thanh toán tiền bằng chuyển khoản	112		30.310.720
...
			Cộng số phát sinh		1.090.725.951	990.082.007
			Số dư cuối tháng 12		330.667.784	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

2.2.3 Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng

❖ Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng để thanh toán với người bán bao gồm:

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn giá trị gia tăng, giấy đề nghị thanh toán
- Giấy báo nợ của ngân hàng, ủy nhiệm chi
- Phiếu chi
- Các chứng từ có liên quan

b. Tài khoản sử dụng:

TK 331 – Phải trả người bán. Tài khoản này được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả với người bán. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty sẽ mở chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

Bên Nợ:

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao.
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hoá hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng.
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào nợ phải trả cho người bán.
- Giá trị vật tư, hàng hoá thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.

Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp.
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức.

Số dư bên Có:

- Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp. Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ. Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số

tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở Tài khoản này để ghi 2 chi tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản 111,112,.....

Số dư bên Nợ (nếu có):

- Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể.

c. *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 331 và các tài khoản liên quan khác

Tháng 12 năm 2015 Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng có rất nhiều các nghiệp vụ thanh toán với người bán, sau đây em xin trích dẫn một số nghiệp vụ chủ yếu:

Ví dụ 1: Ngày 2/12 công ty mua 1 máy tính bàn ASUS chuyên tặng cho phòng kế toán sử dụng theo HĐGTGT 0001623 (biểu số 2.12) trị giá 7.523.990 đồng của công ty TNHH Trần Anh, chưa có VAT, chưa thanh toán.

Căn cứ vào HĐGT 0001623 (biểu số 2.12) và các chứng từ có liên quan kế toán ghi định khoản:

Nợ TK 142: 7.523.990

Nợ TK133: 752.399

Có TK 331: 8.276.389

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật Ký chung (biểu số 2.20) đồng thời ghi vào sổ cái TK 331 (Biểu số 2.21), TK 142, TK 133.

Biểu số 2.12: (Hóa đơn HDGT 0001623)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao cho khách hàng			Ký hiệu: AA/13P		
Ngày 02 tháng 12 năm 2015			Số: 0001623		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Trần Anh					
Địa chỉ: 279 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng.....					
Mã số thuế: 011100064002					
Điện thoại: 031 545545			Số tài khoản: 00123110601		
Mở tại ngân hàng thương mại cổ phần ACB – chi nhánh Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Lê Thị Hương Giang					
Tên đơn vị: Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng.....					
Địa chỉ: Tầng 8, số 7B Trần Hưng Đạo, Hồng Bàng, Hải Phòng.....					
Mã số thuế: 0106302931001.....					
Hình thức thanh toán: CK/TM			Số tài khoản: 2548880001006		
Mở tại ngân hàng cổ phần ngoại thương Vietcombank Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Máy tính bàn ASUS	Chiếc	1	7.523.990	7.523.990
	/				
Cộng tiền hàng					7.523.990
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		752.399	
Tổng cộng tiền thanh toán					8.276.389
Số viết bằng chữ: <i>Tám triệu hai trăm bảy sáu nghìn ba trăm tám chín đồng</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Ví dụ 2: Ngày 6/12 công ty mua thùng container 20 feet của công ty cổ phần Tân Thanh có giá 31.654.220 đồng theo hóa đơn số 0012642 , chưa có VAT, chưa thu tiền.

Căn cứ theo hóa đơn 0012642 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 211: 31.654.220

Nợ TK 133: 3.165.422

Có TK 331: 34.819.642

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật Ký chung(biểu số 2.20) . Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (Biểu số 2.21), TK 211, TK 133.

Biểu số 2.13 (Trích HDGTGT 0012642)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Ký hiệu: AA/14P			
Ngày 06 tháng 12 năm 2015		Số: 0012642			
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Tân Thanh					
Địa chỉ: 6A Lê Lai, quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng.....					
Mã số thuế: 0100612429004.....					
Điện thoại: 031 531990		Số tài khoản: 00300621561			
Mở tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương VN Viettin bank – chi nhánh Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Lê Thị Hương Giang					
Tên đơn vị: Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng.....					
Địa chỉ: Tầng 8, số 7B Trần Hưng Đạo, Hồng Bàng, Hải Phòng.....					
Mã số thuế: 0106302931001.....					
Hình thức thanh toán: CK/TM		Số tài khoản: 2548880001006			
Mở tại ngân hàng cổ phần ngoại thương Vietcombank Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thùng container 20 feet	Chiếc	1	31.654.220	31.654.220
Cộng tiền hàng					31.654.220
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		3.165.422	
Tổng cộng tiền thanh toán					34.819.642
Số viết bằng chữ: <i>Ba mươi tư triệu tám trăm mười chín nghìn sáu trăm bốn hai đồng chẵn</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Ví dụ 3: Ngày 11/12 công ty thanh toán 25.300.000 đồng tiền hàng cho công ty cổ phần Tân Thanh bằng chuyển khoản theo hóa đơn 0014641.

Căn cứ vào giấy báo Nợ số 00154 (biểu số 2.15) và các chứng từ có liên quan khác, kế toán ghi chép vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 331: 25.300.000

Có TK 112: 25.300.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật Ký chung (Biểu số 2.20), sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật Ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (Biểu số 2.21), TK 112.

Biểu số 2.14 (Trích HDGTGT 0014641)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Ký hiệu: AA/14P			
Ngày 08 tháng 12 năm 2015		Số: 0014641			
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Tân Thanh					
Địa chỉ: 6A Lê Lai, quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng.....					
Mã số thuế: 0100612429004.....					
Điện thoại: 031 531990		Số tài khoản: 00300621561			
Mở tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương VN Viettin bank – chi nhánh Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Lê Thị Hương Giang					
Tên đơn vị: Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng.....					
Địa chỉ: Tầng 8, số 7B Trần Hưng Đạo, Hồng Bàng, Hải Phòng.....					
Mã số thuế: 0106302931001.....					
Hình thức thanh toán: CK/TM		Số tài khoản: 2548880001006			
Mở tại ngân hàng cổ phần ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gioăng máy	Chiếc	4	5.750.000	23.000.000
Cộng tiền hàng					23.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		2.300.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					25.300.000
Số viết bằng chữ: Hai mươi năm triệu ba trăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.15 (Giấy báo nợ 00154)

**Ngân hàng TMCP Ngoại thương
Vietcombank – CN HP**

**Ngày in/Printed date: 11/12/2015
Giao dịch viên/Teller: QUYNHTT
Số giao dịch/Trans no: 00154**

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 11/12/2015

Kính gửi: Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng.

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 2548880001006

Số tiền bằng số : 25.300.000 đồng

Số tiền viết bằng chữ: *Hai mươi năm triệu ba trăm nghìn đồng chẵn*

Nội dung: Công ty thanh toán tiền cho công ty Cổ phần Tân Thanh

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.16: (Ủy nhiệm chi số 18)

TMCP NGOẠI THƯƠNG	ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER	Số/No: 18 Ngày/Date: 11/12/2015
TÊN ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN: CTY TNHH ĐẦU TƯ TM VÀ TIẾP VẬN SAO VÀNG – CN HP Số tài khoản: 2548880001006 Tại ngân hàng: TMCP Ngoại Thương		PHẦN DO N.H GHI TÀI KHOẢN NỢ 2548880001006
TÊN ĐƠN VỊ NHẬN TIỀN: CTY CỔ PHẦN TÂN THANH Số tài khoản: 00300621561 Tại ngân hàng: Viettinbank		Tỉnh,TP: HP TÀI KHOẢN CÓ 00300621561 Tỉnh,TP : HP
Số tiền bằng chữ: <i>Hai mươi năm triệu ba trăm nghìn đồng chẵn</i>		Số tiền bằng số (VNĐ) 25.300.000
Nội dung thanh toán: thanh toán tiền hàng chuyển TGNH từ TK TMCP Ngoại thương sang TK Viettinbank		
Đơn vị trả tiền: CTY TNHH ĐTTM và Tiếp vận Sao Vàng – CN HP	Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Vietcombank <i>Ghi số ngày (Date):</i>	Ngân Hàng Viettinbank <i>Ghi số ngày (Date)</i>
Kế toán khoản	Chủ tài	Giao dịch viên
Kiểm soát	Giao dịch viên	Kiểm soát

Ví dụ 4: ngày 15/12/2015 công ty đặt tiền cho đơn hàng mua điều hòa DAKIN 1 chiều tiếp theo của công ty TNHH thương mại Trần Anh là 12.500.000 đồng Căn cứ phiếu chi 23 (biểu số 2.17) và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ 331: 12.500.000

Có 111: 12.500.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.20) đồng thời ghi vào sổ theo dõi tiền mặt. Căn cứ vào sổ Nhật Ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (Biểu số 2.21), TK 111.

Biểu số 2.17 (Phiếu chi số 23)**Đơn vị: Công ty TNHH đầu tư****TM và tiếp vận Sao Vàng- CN Hải Phòng****Mẫu số 02 - TT**

Ban hành theo QĐ48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 15/12/2015

Quyển số: 02

Số: 23

Nợ: 331

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Trần Bá Hùng

Địa chỉ: Công ty TNHH thương mại Trần Anh

Lý do chi: Đặt trước tiền mua hàng

Số tiền: 12.500.000 đồng

Viết bằng chữ: *Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Giám đốc**Kế toán****Người nộp****Người lập****Thủ quỹ****Trưởng****tiền****phiếu**(Ký, đóng
Dấu)(Ký, đóng
dấu)

(Ký, đóng dấu)

(Ký, đóng dấu)

(Ký, đóng
dấu)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá

quý).....

+Số tiền quy đổi:

.....

Ví dụ 5: Ngày 17/12/2015 Công ty thanh toán 20.023.879 đồng cho công ty cổ phần Tân Thanh bằng tiền mặt theo hóa đơn số 0025671.

Căn cứ vào phiếu chi số 29 (Biểu số 2.19) và các chứng từ có liên quan khác, kế toán ghi chép vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 331: 20.023.879

Có TK 111: 20.023.879

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật Ký chung (Biểu số 2.20) sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật Ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (Biểu số 2.21), TK 111.

Biểu số 2.18 (Hóa đơn GTGT số 0025671)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Ký hiệu: AA/14P			
Ngày 15 tháng 12 năm 2015		Số: 0025671			
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Tân Thanh					
Địa chỉ: 6A Lê Lai, quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng.....					
Mã số thuế: 0100612429004.....					
Điện thoại: 031 531990		Số tài khoản: 00300621561			
Mở tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương VN Viettin bank – chi nhánh Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Lê Thị Hương Giang					
Tên đơn vị: Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng.....					
Địa chỉ: Tầng 8, số 7B Trần Hưng Đạo, Hồng Bàng, Hải Phòng.....					
Mã số thuế: 0106302931001.....					
Hình thức thanh toán: CK/TM		Số tài khoản: 2548880001006			
Mở tại ngân hàng cổ phần ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Romooc	Chiếc	1	18.203.527	18.203.527
Cộng tiền hàng					18.203.527
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		1.820.352
Tổng cộng tiền thanh toán					20.023.879
Số viết bằng chữ: Hai mươi triệu không trăm hai ba nghìn tám trăm bảy chín đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.19: (Phiếu chi số 29)**Đơn vị: Công ty TNHH đầu tư****TM và tiếp vận Sao Vàng- CN Hải Phòng****Mẫu số 02 - TT**

Ban hành theo QĐ48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 17/12/2015

Quyển số: 02

Số: 29

Nợ: 331

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Bá Thanh

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Tân Thanh

Lý do chi: Thanh toán tiền cho công ty cổ phần Tân Thanh

Số tiền: 20.023.879 đồng

Viết bằng chữ: *Hai mươi triệu không trăm hai mươi ba nghìn tám trăm bảy chín đồng chẵn*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 17 tháng 12 năm 2015

Giám đốc**Kế toán****Người nộp****Người lập****Thủ quỹ****Trưởng****tiền****phiếu**(Ký, đóng
Dấu)(Ký, đóng
dấu)

(Ký, đóng dấu)

(Ký, đóng dấu)

(Ký, đóng
dấu)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá

quý).....

+Số tiền quy đổi:

.....

Biểu số 2.20 (Trích sổ Nhật ký chung Cty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng –CN Hải Phòng)Đơn vị: Công ty TNHH đầu tư
TM và tiếp vận Sao Vàng- CN Hải PhòngMẫu số: S03A - DN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12 năm 2015

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ U	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
02/12	HD00 01623	02/12	Mua 1 máy tính bàn ASUS của cty TNHH thương mại Trần Anh	142 133 331	7.523.990 752.399	8.276.389
03/12	HD00 01147	03/12	Mua 1 thùng container khô 40 feet thường của công ty Sealco phục vụ vận tải	211 133 331	33.000.000 3.300.000	36.300.000
...
06/12	HD00 12642	06/12	Mua 1 thùng container 20 feet của công ty CP Tân Thanh	211 133 331	31.654.220 3.165.422	34.819.642
...
11/12	GBN0 0154	11/12	Thanh toán tiền cho công ty cổ phần Tân Thanh bằng CK	331 112	25.300.000	25.300.000
12/12	PC 19	12/12	Thanh toán tiền làm thủ tục hải quan	331 111	2.541.800	2.541.800
...
15/12	PC 23	15/12	Cty đặt tiền cho đơn hàng tiếp theo cho cty TNHH Trần Anh	331 111	12.500.000	12.500.000
16/12	PC 24	14/12	Thanh toán phí bảo vệ kho cho cty bảo vệ Thành Hải	331 111	8.045.000	8.045.000
17/12	PC 29	17/12	Thanh toán tiền cho cty CP Tân Thanh bằng tiền mặt	331 112	20.023.879	20.023.879
...
			Tổng cộng		8.383.714.129	8.383.714.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.21 (Trích sổ cái TK 131)

Đơn vị: Công ty TNHH đầu tư TM
 Và tiếp vận Sao Vàng-CN HP
Địa chỉ: Tầng 8, số 7B Trần Hưng Đạo, HP

Mẫu số SO3b-DNN
 (ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2015

Tên tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12			157.435.085
...
02/12	HĐ000 1623	2/12	Mua 1 máy tính bàn ASUS của cty TNHH thương mại Trần Anh	142 133		7.523.990 752.399
03/12	HĐ000 1147	3/12	Mua 1 thùng container khô 40 feet thường của công ty Sealco phục vụ vận tải	211 133		33.000.000 3.300.000
...
06/12	HĐ00 12642	06/12	Mua 1 thùng container 20 feet của công ty CP Tân Thanh	211 133		31.654.220 3.165.422
...
11/12	GBN00 154	11/12	Thanh toán tiền cho công ty cổ phần Tân Thanh bằng CK	112	25.300.000	
12/12	PC19	12/12	Thanh toán tiền làm thủ tục hải quan	111	2.541.800	
...
15/12	PC 23	15/12	Cty đặt tiền đơn hàng tiếp theo cho cty Trần Anh	111	12.500.000	
16/12	PC24	16/12	Thanh toán phí bảo vệ kho cho cty bảo vệ Thành Hải	111	8.045.000	
17/12	PC29	17/12	Thanh toán tiền cho cty CP Tân Thanh bằng tiền mặt	112	20.023.879	
...
			Cộng số phát sinh		656.622.911	628.676.602
			Số dư cuối tháng 12			129.488.776

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ
THƯƠNG MẠI VÀ TIẾP VẬN SAO VÀNG – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG****3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng**

Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng là một doanh nghiệp thương mại vận tải và kinh doanh phụ tùng xe, kho bãi... Hiện nay để có thể đứng vững trên thị trường công ty đã không ngừng nỗ lực chủ động tạo nhiều mối quan hệ, mở rộng thị trường, hoạt động kinh doanh. Vì vậy mà công ty có nhiều bạn hàng mới cùng với lượng giao dịch ngày càng tăng và đa dạng. Ngoài bạn hàng truyền thống còn có nhiều bạn hàng mới. Do vậy công tác kế toán công nợ với nhà cung cấp và khách hàng của công ty ngày càng được coi trọng và hoàn thiện hơn trước. Việc quản lý tốt phần hành kế toán thanh toán với người mua, người bán sẽ góp phần quản lý tốt được tình hình tài chính của mình, tránh gặp những rủi ro đáng tiếc như nợ xấu, nợ không trả được, khoản thu khó đòi...

Mặc dù là một doanh nghiệp có tuổi đời còn non trẻ và phải đối mặt với những khó khăn thiếu thốn về mọi mặt nhưng với sự năng động sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, Công ty đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Đó là kết quả của quá trình phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn Công ty, kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh về trình độ quản lý của đội ngũ lãnh đạo Công ty. Trong quá trình kinh doanh của mình, Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên.

Cũng như các công ty khác, công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng mong muốn mình để lại ấn tượng tốt với khách hàng. Để đáp ứng mong muốn đó ngoài dịch vụ chất lượng và những đãi ngộ tốt thì công việc thanh toán cũng không được chậm trễ và phải luôn khéo léo, linh hoạt chính vì vậy công tác kế toán thanh toán là một vấn đề vô cùng quan trọng.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng. Được sự giúp đỡ tận tình của các anh chị trong công ty và sự hướng dẫn của cô giáo Th.S Đồng Thị Nga em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng có những ưu điểm và hạn chế. Nhiệm vụ của kế toán là phải tìm cách phát huy những điểm mạnh và hạn chế, tìm cách khắc phục những điểm yếu để công tác quản lý tài chính ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1 Ưu điểm

1. Về công tác tổ chức quản lý kinh doanh

Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, Công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức một cách hợp lý, khoa học và hoạt động có nề nếp, phù hợp với loại hình và quy mô của doanh nghiệp. Đồng thời có những biện pháp quản lý một cách chặt chẽ công việc ở tất cả các khâu, từng bộ phận trong Công ty một cách nhịp nhàng và có hiệu quả. Bộ máy quản lý của công ty tương đối gọn nhẹ, các phòng ban chịu sự giám sát của lãnh đạo, phân công công việc theo hướng chuyên môn hóa sẽ làm giảm áp lực cho ban lãnh đạo.

Công ty cũng bổ sung các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng có bộ máy quản lý giàu kinh nghiệm trong việc quản lý, có những chiến lược phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay.

2. Về công tác kế toán

Trong điều kiện cơ chế quản lý mới, cũng như điều kiện quản lý kinh doanh thực tế của mình, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ và hoàn chỉnh theo mô hình kế toán tập trung. Đây là mô hình mà việc hạch toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty và chịu sự kiểm tra trực tiếp từ kế toán trưởng. Vì vậy số liệu được luân chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng, đúng trình tự. Mô hình này không những tạo điều kiện thuận lợi cho ban giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính để có thể đưa ra những quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời, mà còn tạo điều kiện cho công tác phân công lao động, chuyên môn hoá theo các phần hành kế toán, nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán.

Các phần hành kế toán được phân công tương đối rõ ràng và khoa học cho từng kế toán viên, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phần hành với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, ghi chép. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, phát hiện kịp thời những sai sót. Giúp ban lãnh đạo đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kỳ, qua đó xây dựng được kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Phòng kế toán với đội ngũ nhân viên trẻ, nhiệt tình, ham học hỏi. Hiện nay với yêu cầu nâng cao công tác kế toán, phòng kế toán đã thường xuyên chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ kế toán, tất cả các cán bộ kế toán đều có trình độ đại học, luôn phấn đấu đạt hiệu quả cao trong công tác kế toán góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao trong công ty.

Tổ chức công tác kế toán được thực hiện tốt theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán công ty sử dụng nhìn chung phù hợp với đặc điểm công ty, đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý.

Hệ thống tài khoản

Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Công ty áp dụng đầy đủ, việc mở các tài khoản chi tiết cũng rất hợp lý và khoa học.

Hệ thống chứng từ

Chứng từ mà công ty sử dụng để hạch toán đều dùng đúng biểu mẫu mà bộ tài chính ban hành từ : Phiếu thu, phiếu chi, HĐGTGT, giấy đề nghị thanh toán... Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng loại, từng hợp đồng thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

Hệ thống sổ sách

Công ty áp dụng hình thức sổ “Nhật ký chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản, dễ áp dụng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái theo trình tự thời gian và định khoản. Như vậy, hình thức Nhật ký chung đã đáp ứng được yêu cầu hạch toán kế toán và quản lý của công ty.

Hạch toán kế toán thanh toán

Công tác hạch toán kế toán thanh toán luôn hoàn thành đúng lúc, công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi công nợ từng đối tượng người mua, người bán. Theo dõi chi tiết như vậy giúp cho việc hạch toán tổng hợp một cách nhanh chóng, kịp thời, kế toán có thể cung cấp cho người quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty, nhà quản lý có thể nắm bắt tài chính của công ty và đưa ra các hoạch định chiến lược cho công ty.

Công ty thường không để dư nợ quá hạn, nợ đọng mà luôn thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn, kịp thời và đầy đủ. Trong mọi quan hệ thanh toán nợ phải trả nhà cung cấp, công ty thực hiện tốt. Đây là một điểm tốt tạo được uy tín đối với các nhà cung cấp, từ đó gián tiếp tạo cho quá trình kinh doanh của công ty luôn được liên tục, đáp ứng nhu cầu cho khách hàng ngay cả thời điểm phục hồi sau khủng hoảng kinh tế trong năm vừa qua.

Công tác thu hồi công nợ

Để công tác thu hồi công nợ được tiến hành kịp thời, chính xác kế toán công nợ đã được phân công tiến hành kiểm soát, lập hồ sơ, lưu hồ sơ, tổ chức thu hồi công nợ một cách chặt chẽ và thường xuyên có sự quản lý và góp ý đúng mực của bộ phận quản lý (trưởng phòng kế toán). Ngoài việc chuẩn bị hồ sơ thanh toán tốt, các cán bộ kế toán công nợ luôn có sự linh hoạt trong tìm hiểu thông tin và tiếp cận khách hàng.

3.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được công tác và tổ chức kế toán của Công ty còn gặp những khó khăn sau:

1. Sổ sách kế toán của công ty còn chưa đầy đủ

Công ty chỉ mở sổ Nhật ký chung và sổ cái, không mở sổ chi tiết phải thu khách hàng, sổ chi tiết phải trả người bán và bảng tổng hợp phải thu khách hàng, phải trả người bán. Vì thế sẽ khó theo dõi, đối chiếu công nợ cho từng đối tượng.

2. Hạch toán kế toán chưa áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành.

Ngày 22/12/2014, Bộ tài chính ban hành thông tư 200/2014/TT-BTC. Hiện nay, công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng vẫn áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 nên vẫn còn rất nhiều hạn chế, phức tạp.

3. Việc thanh toán công nợ của Công ty chưa được thực hiện đúng quy định để khấu trừ thuế và chi phí.

Công ty chưa thực hiện đúng quy định theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành các khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ có giá trị 20.000.000 đồng trở lên (đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán dùng tiền mặt sẽ không được khấu trừ thuế và chi phí.

Có thể thanh toán bằng các hình thức: chuyển khoản, tín dụng, séc, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu... mới được khấu trừ thuế và tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.. Về phương pháp ghi chép sổ sách kế toán

Với khối lượng công việc khá nhiều công ty chủ yếu là thủ công, Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán để thuận lợi theo dõi các nghiệp vụ kinh tế nên việc cung cấp báo cáo số liệu còn thiếu tính kịp thời, công việc dồn cuối tháng nhiều sẽ không tránh khỏi sai sót và làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công ty.

5. Về việc vận dụng chính sách chiết khấu thanh toán trong công tác thu hồi vốn.

Nguồn thu của khách hàng chính là nguồn để trả nợ cho người bán và trang trải các hoạt động trong công ty đồng thời có thu được tiền bán hàng thì công ty mới bắt đầu một chu trình kinh doanh mới. Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng có doanh thu tương đối lớn trong đó có đến gần 40% là thanh toán sau nhưng chiết khấu thanh toán lại không được sử dụng một cách linh hoạt. Chiết khấu thanh toán chính là một lợi ích mà khách hàng không thể bỏ qua khi xác định thời điểm trả nợ. Do vậy đây chính là một công cụ, dụng cụ đặc lực trong việc xúc tiến trong quá trình thu hồi nợ. Cũng như huy động vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh

Hiện nay công tác thu hồi nợ đọng của công ty còn nhiều hạn chế. Tính đến ngày 31/12/2015 số tiền phải thu khách hàng là 330.667.784 đồng, số lượng thanh toán sau tương đối lớn. Với số vốn bị chiếm dụng lớn như vậy sẽ làm giảm tốc độ vòng quay vốn, giảm hiệu quả kinh doanh và tăng tính rủi ro cho doanh nghiệp.

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng

Trong nền kinh tế thị trường, luôn diễn ra sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp để tồn tại và phát triển. Sự thành bại của doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào công tác kế toán, nếu tổ chức và hạch toán kế toán tốt thì không những phát sinh lợi nhuận cho công ty mà còn đảm bảo đúng pháp luật đề ra.

Trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, các nghiệp vụ thanh toán càng có vai trò quan trọng, nó đòi hỏi việc hạch toán phải cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, đồng thời phải tạo ra sự tin tưởng đối với các nhà cung cấp về khả năng tài chính của công ty.

Vì vậy, tổ chức tốt công tác kế toán thanh toán còn góp phần làm lành mạnh hoá công tác tài chính của một doanh nghiệp. Đối với cơ quan cấp trên việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán còn tạo cho họ những thông tin, số liệu chính xác, phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh, khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

3.2.2 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng thì thay đổi chế độ kế toán hiện hành theo thông tư 200 của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Doanh nghiệp phải tuân thủ chính sách chế độ kế toán thì thông tin kế toán mới thống nhất, việc kiểm tra kiểm soát của nhà nước mới có thể thực hiện được. Các thông tin kế toán được lập dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định này sẽ giúp cho việc thu thập thông tin kế toán có chất lượng và khoa học, hữu ích cho quá trình phân tích, đánh giá và kiểm tra hoạt động tài chính của công ty. Các chứng từ kế toán, biểu mẫu đều thuộc loại hướng dẫn (không bắt buộc), doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng theo biểu mẫu ban hành của Thông tư 200 hoặc được tự thiết kế phù hợp với đặc điểm hoạt

động và yêu cầu quản lý của đơn vị nhưng phải đảm bảo cung cấp những thông tin theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán phải đảm bảo việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời phản ánh các hoạt động tài chính trong công ty, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ, không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Nếu thông tin không được cung cấp kịp thời có thể gây ảnh hưởng đến việc xử lý các tình huống xấu có thể xảy ra trong doanh nghiệp. Còn đối với các đối tượng quan tâm bên ngoài doanh nghiệp như ngân hàng, nhà đầu tư mà không được cung cấp thông tin kịp thời có thể công ty sẽ mất đi cơ hội đầu tư đồng thời để lại ấn tượng không tốt cho việc kinh doanh sau này.

Thu hồi số nợ phải thu của khách hàng. Để công ty lấy tiền kinh doanh, chi trả cho các hoạt động của công ty. Trả bớt số nợ phải trả người bán, các khoản vay nợ. Để công ty ngày càng thu hút nhiều khách.

Việc hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và thanh toán với người bán, người mua phải đảm bảo tuân thủ những yêu cầu trên thì mới đạt hiệu quả cao, hỗ trợ cho công tác quản trị doanh nghiệp nói chung và quản lý tài chính nói riêng.

3.2.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – Chi nhánh Hải Phòng

❖ Kiến nghị 1: Doanh nghiệp cần phải lập bảng chi tiết phải thu khách hàng, phải trả người bán cho từng đối tượng và bảng tổng hợp phải thu khách hàng, phải trả người bán.

Công ty chỉ mở sổ Nhật ký chung và sổ cái nên không theo dõi cụ thể được các tình hình thanh toán với người mua, người bán cụ thể cho từng đối tượng, từng thời hạn thanh toán. Doanh nghiệp cần phải mở sổ chi tiết thanh toán cho người mua, người bán; bảng tổng hợp phải thu khách hàng và bảng tổng hợp phải trả người bán để kế toán có thể theo dõi công nợ một cách đầy đủ, chặt chẽ, dễ đối chiếu. Tránh gây thất thoát công nợ, đem lại hiệu quả cho công ty.

Như kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng công ty cần phải mở sổ chi tiết phải thu khách hàng cho từng đối tượng và bảng tổng hợp phải thu khách hàng:

1.Sổ chi tiết phải thu khách hàng (mở cho công ty TNHH Hoàng Huy)

Đơn vị: Công ty TNHH đầu tư TM và

Mẫu số S13 - DNN

Tiếp vận Sao Vàng – CN HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006QĐ-BTC

Địa chỉ: Tầng 8, số 7B, Trần Hưng Đạo, HB, HP

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TNHH TM vận tải Hoàng Huy

Tháng 12 năm 2015

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ'	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<u>25.842.200</u>	
1/12	HĐ00 00521	1/12	Bán chịu xe đầu kéo cho Cty TNHH Vận Tải Hoàng Huy	511 3331	473.232.000 47.323.200		499.074.200 546.397.400	
13/12	GBC0 0153	14/1 2	Cty TNHH Hoàng Huy thanh toán tiền hàng bằng CK	112		500.000.000	46.397.400	
25/12	GBC0 0289	25/1 2	Cty TNHH vận tải Hoàng Huy thanh toán tiền bằng chuyển khoản	112		30.310.720	16.086.680	
...
			Cộng Phát sinh		562.061.000	550.713.000	-	-
			Số dư cuối kỳ				<u>37.190.200</u>	

2.Sổ chi tiết phải thu khách hàng (mở cho công ty CP Việt Dũng)

Đơn vị: Công ty TNHH đầu tư TM
Và tiếp vận Sao Vàng – CN HP

Địa chỉ: Tầng 8, số 7B, Trần Hưng Đạo, HB, HP

Mẫu số S13 -DNN

Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty Cổ phần Việt Dũng

Tháng 12 năm 2015

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số Phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<u>24.082.700</u>	
10/12	HĐ000 0634	10/12	Bán chịu tubor tăng áp cho ty CP Việt Dũng	511 3331	7.891.200 789.120		31.973.900 32.763.020	
14/12	HĐ000 634	14/12	Cty CP Việt Dũng trả lại hàng do sai quy cách	531 3331		7.891.200 789.120	24.871.820 24.082.700	
...
			Cộng số phát sinh		195.813.720	188.914.620		
			Số dư cuối kỳ				<u>30.981.800</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

3. Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Đơn vị: Công ty TNHH đầu tư TM và tiếp vận Sao Vàng – CNHP

Địa chỉ: tầng 8, số 7B Trần Hưng Đạo, Hồng Bàng, HP

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131 – Phải thu Khách hàng

Tháng 12 năm 2015

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH TM VT Hoàng Huy	25.842.200		562.061.000	550.713.000	37.190.200	
2	Công ty Cổ phần Việt Dũng	24.082.700		195.813.720	188.914.620	30.981.800	
...
	Cộng	230.023.840		1.090.725.951	990.082.007	330.667.784	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ngoài ra, kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng công ty cũng cần phải mở sổ chi tiết phải trả người bán cho từng đối tượng và bảng tổng hợp phải trả người bán để theo dõi tình hình nợ đọng của công ty:

1.Sổ chi tiết phải trả người bán (Mở cho công ty TNHH Trần Anh)

Đơn vị: Công ty TNHH đầu tư TM
Và tiếp vận Sao Vàng – CN HP

Mẫu số S13 -DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**Tài khoản: 331****Đối tượng: Công ty TNHH Trần Anh****Tháng 12 năm 2015**

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số Phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					<u>15.082.910</u>
02/12	HĐ000 1623	02/12	Mua 1 máy tính bàn ASUS của cty TNHH thương mại Trần Anh	142 133		7.523.990 752.399		22.606.900 23.359.299
15/12	PC23	15/12	Cty đặt tiền đơn hàng tiếp theo cho cty Tân Thanh	111	12.500.000			10.859.299
...
			Cộng số phát sinh		63.041.340	57.081.820		
			Số dư cuối kỳ					<u>9.123.390</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc**

2. Sổ chi tiết phải trả người bán (Mở cho công ty phụ tùng Tân Thanh)

Đơn vị: Công ty TNHH đầu tư TM
Và tiếp vận Sao Vàng – CN HP

Mẫu số S13 -DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty phụ tùng Tân Thanh

Tháng 12 năm 2015

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số Phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					24.971.340
06/12	HĐ00 12642	06/12	Mua 1 thùng container 20 feet của công ty CP Tân Thanh	211 133		31.654.220 3.165.422		56.625.560 59.790.982
11/12	GBN0 0154	11/12	Thanh toán tiền cho công ty cổ phần Tân Thanh bằng CK	112	25.300.000			34.490.982
17/12	GBN0 0286	17/12	Thanh toán tiền cho cty CP Tân Thanh bằng CK	112	20.023.879			14.467.103
...
			Cộng số phát sinh		53.024.770	41.081.820		
			Số dư cuối kỳ					13.028.390

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Bảng tổng hợp thanh toán với người bán

Đơn vị: Công ty TNHH đầu tư TM và tiếp vận Sao Vàng – CNHP

Địa chỉ: tầng 8, số 7B Trần Hưng Đạo, Hồng Bàng, HP

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Tháng 12 năm 2015

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH Trần Anh		15.082.910	63.041.340	57.081.820		9.123.390
2	Công ty Phụ tùng Tân Thanh		24.971.340	53.024.770	41.081.820		13.028.390
...
	Cộng		157.435.085	656.622.911	628.676.602	-	129.488.776

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

❖ **Kiến nghị 2: Doanh nghiệp nên áp dụng thông tư 200/2014/TT-BTC để phù hợp đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý**

Công ty vẫn còn áp dụng chế độ kế toán cũ ban hành là quyết định số 48/2006 QĐ – BTC ngày 14/9/2006. Công ty nên thay đổi sang thông tư 200/2014/TT-BTC ban ngày ngày 22/12/2014 để thuận tiện và đơn giản hóa công tác thanh toán với người mua, người bán.

Thực tế doanh nghiệp phát sinh nghiệp vụ (Ví dụ 4 – Trang 55): ” Ngày **14/12/2015 công ty Việt Dũng trả lại toàn bộ 10 tubor tăng áp đã mua ngày 10/12/2105 do sai quy cách, không đúng chất lượng**”. Kế toán ghi vào sổ sách theo tài khoản sau:

Nợ TK 531: 7.891.200

Nợ TK 3331: 789.120

Có TK 131: 8.680.320

Em có kiến nghị nên sửa đổi theo thông tư 200/2014/TT - BTC mới nhất của Bộ tài chính ban hành thay đổi tài khoản 531 sang tài khoản 521:

Nợ TK 521: 7.891.200

Nợ TK 3331: 789.120

Có TK 131: 8.680.320

Ngoài ra, như nghiệp vụ phát sinh (ví dụ 1 - Trang 65): “Ngày **2/12 công ty mua 1 máy tính bàn ASUS chuyển tặng cho phòng kế toán sử dụng theo HDGTGT 0001623 (biểu số 2.13) trị giá 7.523.990 đồng của công ty TNHH Trần Anh, chưa có VAT, chưa thanh toán.**” kế toán ghi định khoản :

Nợ TK 142: 7.523.990

Nợ TK133: 752.399

Có TK 331: 8.276.389

Doanh nghiệp nên thay đổi thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính tài thay đổi tài khoản 142 đổi sang TK 242:

Nợ TK 242: 7.523.990

Nợ TK133: 752.399

Có TK 331: 8.276.389

Bộ tài chính ban hành thông tư 200/2014/TT-BTC có rất nhiều điểm mới : loại bớt một số tài khoản không cần thiết, thay đổi một số tài khoản như TK 121, TK 128, TK 242, TK 341,TK 411, TK 521.... Thêm các quy định mới về xây dựng nguyên tắc kế toán và báo cáo tài chính, sửa đổi bổ sung các chỉ tiêu trong bảng

cân đối giúp doanh nghiệp thuận tiện, dễ dàng, hiệu quả trong việc hạch toán kế toán công nợ.

Ngoài ra doanh nghiệp còn được tự thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán và tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình, Giúp công ty đơn giản hóa và phù hợp với công ty mình, không cần theo biểu mẫu.

❖ Kiến nghị 3: Doanh nghiệp cần quan tâm hơn đến việc hạch toán chi phí và khấu trừ thuế đối với những hóa đơn có giá trị thanh toán trên 20.000.000 đồng.

Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập DN ban hành tại điều 6 thì “Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt”.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên ghi trên hóa đơn mà đến thời điểm ghi nhận chi phí, doanh nghiệp chưa thanh toán và chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Trường hợp khi thanh toán doanh nghiệp không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì doanh nghiệp phải kê khai, điều chỉnh giảm chi phí đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán bằng tiền mặt (kể cả trong trường hợp cơ quan thuế và các cơ quan chức năng đã có quyết định thanh tra, kiểm tra kỳ tính có phát sinh khoản chi phí này).

Thực tế doanh nghiệp phát sinh nghiệp vụ (ví dụ 5 – trang) “**Ngày 17/12/2015 Công ty thanh toán 20.023.879 đồng cho công ty cổ phần Tân Thanh bằng tiền mặt**” kế toán ghi định khoản:

Nợ TK 331: 20.023.879

Có TK 111: 20.023.879

Căn cứ Thông tư 78/2014/TT-BTC tại Điều 6, Khoản 1 quy định về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế như sau:

“1.Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
2. b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
3. c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.”

Vì vậy, Căn cứ theo quy định trên thì những **hóa đơn trên 20 triệu đồng** thanh toán bằng tiền mặt không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN và Những hóa đơn thanh toán bằng tiền mặt thì tổng giá trị của hóa đơn không được tính vào chi phí được trừ. Do đó khi làm quyết toán thuế TNDN kê toán loại toàn bộ hóa đơn này ra khỏi chi phí được trừ trước khi tính thuế TNDN. Có thể thanh toán bằng các hình thức: chuyển khoản, tín dụng, séc, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...

Kiến nghị 4: Doanh nghiệp cần quan tâm đến tin học hóa công tác kế toán

Công ty vẫn còn áp dụng hình thức kế toán thủ công làm giảm tiến độ công việc, vì vậy công ty nên áp dụng hình thức kế toán máy để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

Trong thời đại hiện nay hầu hết các công ty đã áp dụng hình thức kế toán máy nên công ty cũng nên tiếp thu sự tiến bộ đó để giúp cho việc quản lý các nghiệp vụ kinh tế của bộ phận kế toán cũng như ban lãnh đạo của công ty dễ dàng hơn. Sau đây e xin đưa ra một số phần mềm phổ biến nhất hiện nay:

• **Phần mềm kế toán MISA (Phiên bản MISA SME.NET.2017)**

MISA SME.NET 2017 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đáp ứng đầy đủ nghiệp vụ kế toán đặc thù cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất. Với hơn 20 năm kế thừa và phát triển, hiện nay MISA đã triển khai cho hơn 130.000 khách hàng sử dụng các sản phẩm của MISA trên toàn quốc.

CẬP NHẬT THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC 200/2014/TT-BTC

1. Đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán gồm: Quý, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.
2. Đáp ứng nghiệp vụ quản lý phát hành và sử dụng hóa đơn theo cả 3 hình thức: Tự in, Đặt in, Điện tử. Xuất khẩu báo cáo thuế theo định dạng XML, kê khai thuế qua mạng trực tiếp qua MTAX.VN
3. Tự thiết kế biểu mẫu chứng từ, báo cáo linh hoạt theo đặc thù doanh nghiệp.
4. Lập kế hoạch thu hồi công nợ, phân tích hiệu quả chiến dịch thu nợ, quản trị công nợ theo loại, hạn nợ.
5. Tự động hóa nghiệp vụ quản lý quỹ, quản lý kho và kiểm kê, đối chiếu giữa thủ quỹ, thủ kho với kế toán.



• **Phần mềm kế toán FAST**

Trợ giúp Kết thúc English

- Hệ thống
- Tổng hợp
- Tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
- Bán hàng**
- Mua hàng
- Tồn kho
- Tài sản cố định
- Công cụ dụng cụ
- Báo cáo chi phí theo khoản mục
- Giá thành dự án, công trình
- Giá thành sx liên tục
- Giá thành sx theo đơn hàng
- Báo cáo thuế
- BCQT theo các trường tự do
- Quản lý hóa đơn
- Thuế thu nhập cá nhân

- Phần mềm kế toán LinkQ



Kiến nghị 5: Doanh nghiệp cần hoàn thiện chính sách chiết khấu trong thanh toán

Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy nhanh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của công ty. Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại
- Dựa vào hoạch định chính sách kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau khi xác định được mức trích chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép thông qua tài khoản **635- Chi phí tài chính**.

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131, 111, 112,...

Thực hiện tốt các giải pháp thu hồi nợ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay vốn để tái sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

KẾT LUẬN

Kế toán thanh toán công nợ là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác hạch toán kế toán của mỗi doanh nghiệp. Hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác các công nợ phát sinh trong từng thời kỳ từ đó phân tích, đề ra các biện pháp thiết thực để quản lý công tác hạch toán công nợ. Đó cũng là mục tiêu mà mọi doanh nghiệp đều hướng tới, là nhân tố quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Vì vậy, việc hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán công nợ tại Công ty TNHH thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng là thật sự cần thiết.

Khóa luận đã đề cập những vấn đề lý luận chung và đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán công nợ Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng.

Về lý luận: Khóa luận đã hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán hạch toán công nợ trong các doanh nghiệp

Về thực tiễn: Khóa luận phản ánh trung thực, khách quan về thực trạng công tác kế toán thanh toán công nợ tại công ty với số liệu năm 2015 chứng minh cho các lập luận đưa ra.

Sau khi đánh giá công tác tổ chức kinh doanh, tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán, đặc biệt đi sâu đánh giá công tác kế toán thanh toán công nợ,

khóa luận đã đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán công nợ tại Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng. Tuy nhiên dưới góc độ là một sinh viên thực tập chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên trong bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Cô giáo – Th.S Đồng Thị Nga, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH đầu tư thương mại và tiếp vận Sao Vàng – chi nhánh Hải Phòng cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!